

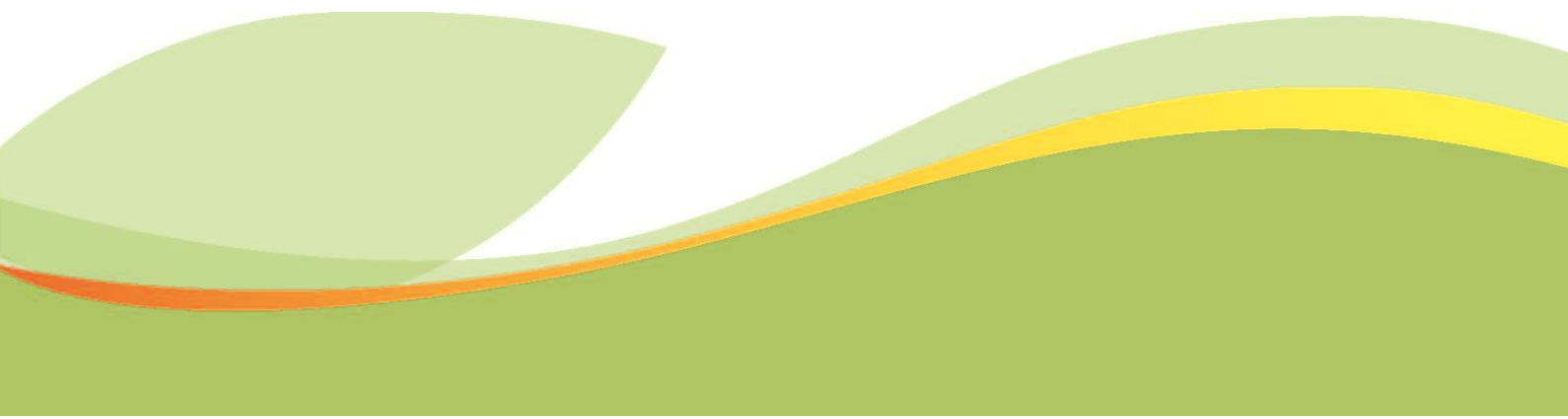


Published by  
**giz**  
Deutsche Gesellschaft  
für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



# Báo cáo

## Nghiên cứu các mô hình và đề xuất chính sách cho loại hình vườn thực vật quốc gia



## **Ấn phẩm**

### **Được xuất bản bởi**

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

### **Văn phòng đăng ký**

Bonn và Eschborn, Đức

Chương trình Bảo tồn, sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái rừng tại Việt Nam.

### **Hợp tác với**

Pan Nature

### **Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm**

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ hay BMZ.

GIZ và BMZ từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

### **Thay mặt cho**

Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ)

## MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	5
Chương 1. PHẦN MỞ ĐẦU .....	7
1.1 Mục tiêu nghiên cứu .....	7
1.2 Nội dung nghiên cứu.....	8
1.3 Phương pháp nghiên cứu .....	8
Chương 2. CÁC VƯỜN THỰC VẬT TRÊN THẾ GIỚI.....	9
2.1 Lịch sử phát triển vườn thực vật trên thế giới .....	9
2.2 Quản lý vườn thực vật trên thế giới.....	12
2.2.1 Mục đích, chức năng của vườn thực vật .....	12
2.2.2 Quản lý và điều hành vườn thực vật .....	13
2.3 Những hoạt động của các vườn thực vật .....	14
2.3.1 Sưu tầm thực vật .....	14
2.3.2 Gây trồng và chăm sóc cảnh quan .....	15
2.3.3 Nghiên cứu, bảo tồn .....	15
2.3.4 Giáo dục, quan hệ công chúng .....	15
2.3.5 Du lịch và kinh doanh .....	15
2.3.6 Vườn thực vật như một mô hình bảo vệ môi trường .....	15
Chương 3. CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CÁC VƯỜN THỰC VẬT .....	17
3.1 Chính sách về xây dựng phát triển các vườn thực vật.....	17
3.2 Quy định loại hình Vườn thực vật quốc gia trong hệ thống rừng đặc dụng .....	18
Chương 4. HIỆN TRẠNG CÁC VƯỜN THỰC VẬT Ở VIỆT NAM.....	20
4.1 Các VTV trong hệ thống khu BTTN và VQG .....	20
4.1.1 Vườn thực vật Vườn quốc gia Cúc Phương.....	20
4.1.2 Vườn thực vật Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà .....	21
4.1.3 Vườn thực vật Vườn quốc gia Pù Mát .....	21
4.1.4 Vườn thực vật Khu BTTN Bình Châu – Phước Bửu.....	21
4.1.5 Vườn thực vật Vườn quốc gia Cát Tiên .....	22
4.1.6 Rừng quốc gia Yên Tử .....	22
4.2 Các VTV thuộc các đơn vị đào tạo và nghiên cứu .....	22
4.2.1 Vườn thực vật Trường Đại học Lâm nghiệp.....	23

4.2.2	Trung tâm Thực hành và thực nghiệm Nông lâm nghiệp thuộc Trường Cao đẳng nông lâm Đông Bắc .....	23
4.2.3	Vườn Tre Phú An, Bình Dương .....	24
4.3	Các VTV do chính quyền địa phương cấp tỉnh, thành quản lý.....	24
4.3.1	Thảo cầm viên Sài Gòn (Vườn bách thảo Sài Gòn) .....	24
4.3.2	Vườn bách thảo Hà Nội .....	24
4.3.3	Vườn thực vật Củ Chi, thành phố Hồ chí Minh.....	25
4.4	Các VTV của doanh nghiệp.....	26
4.4.1	Vườn thực vật Hà Nội.....	26
4.5	Các VTV cá nhân, cộng đồng, tổ chức xã hội .....	26
4.5.1	Khu bảo tồn lan rừng vườn Troh Bu- Buôn Đôn.....	27
4.6	Đánh giá tổng hợp về hiện trạng quản lý các loại hình VTV Việt Nam.....	27
Chương 5. QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN VƯỜN THỰC VẬT QUỐC GIA .....		31
5.1	Quan điểm về các loại vườn thực vật quốc gia.....	31
5.2	Tiêu chí đánh giá Vườn thực vật quốc gia.....	31
5.2.1	Tiêu chí loại rừng Vườn sưu tầm thực vật quốc gia.....	31
5.2.2	Tiêu chí cho Vườn thực vật quốc gia.....	32
5.3	Góp ý về quản lý và cơ chế tài chính VSTTV QG .....	33
5.4	Góp ý cho các giải pháp đối với xây dựng hệ thống VTV .....	34
PHỤ LỤC 36		
	Biểu khảo sát thông tin Vườn thực vật.....	38
	Tài liệu tham khảo .....	42
	Hợp kỹ thuật về Vườn thực vật Việt Nam .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

## LỜI CẢM ƠN

Báo cáo thảo luận chính sách này do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) khởi xướng, xây dựng đề cương và tham gia thực hiện dưới sự chủ trì chuyên môn của GS.TS. Hoàng Văn Sâm, Đại học Lâm nghiệp Việt Nam. Nhóm nghiên cứu chính sách của PanNature đã bổ sung, biên tập và hoàn thiện báo cáo cuối cùng dựa trên bản thảo do GS.TS. Hoàng Văn Sâm cung cấp.

Trong quá trình thực hiện, nhóm nghiên cứu đã nhận được sự đóng góp và tư vấn chuyên môn của cán bộ Vụ Quản lý Rừng Đặc Dụng và Rừng Phòng hộ (trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp) cùng các chuyên gia có kinh nghiệm về vườn thực vật tại Việt Nam thông qua phỏng vấn, trao đổi chuyên môn và họp kỹ thuật.

Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn các cán bộ tại VQG Cúc Phương, VQG Bi Đúp Núi Bà, VQG Cát Tiên, VQG Pù Mát, Khu BTTN Bình Châu Phước Bửu, Vườn thực vật Củ Chi, Rừng quốc gia Yên Tử, Trường Cao Đẳng Nông Lâm Đông Bắc, Rừng quốc gia Đền Hùng, Đại học Lâm Nghiệp, Vườn Thực vật Leiden Hà Lan, Vườn thực vật Hoa Nam Trung Quốc, Viện thực vật Ba Lan, Vườn thực vật Fribourg Thụy Sĩ, và Hiệp hội vườn thực vật Thế giới đã tham gia cung cấp thông tin cho quá trình nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn các ý kiến và đóng góp từ các nhà quản lý, nhà nghiên cứu và nhà khoa học tham dự Cuộc họp kỹ thuật “Đề xuất chính sách quản lý vườn thực vật quốc gia” tổ chức tại Hà Nội ngày 23/10/2020 và Hội thảo: “Bảo tồn và phục hồi hệ thống rừng tự nhiên Việt Nam: Tầm nhìn và các giải pháp chính sách” tổ chức tại Hà Nội ngày 23/12/2020. Nội dung thảo luận tại các sự kiện này đã được lồng ghép vào báo cáo trong quá trình hoàn thiện.

Trân trọng cảm ơn Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Đức (BMZ) tài trợ cho nghiên cứu cũng như các hoạt động khác về chính sách, quản trị rừng của PanNature thông qua dự án Bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam.

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

BGCI	Hiệp hội Bảo tồn Vườn thực vật Quốc tế
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
DDSH	Đa dạng sinh học
IUCN	Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân
VQG	Vườn quốc gia
VTV QG	Vườn thực vật quốc gia
VTV	Vườn thực vật
VSTTV	Vườn sưu tầm thực vật

## PHẦN MỞ ĐẦU

Bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học là một nhiệm vụ quan trọng trong nỗ lực ứng phó biến đổi khí hậu, đạt được các mục tiêu Aichi và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Việt Nam được xếp hạng là một trong những khu vực có đa dạng sinh học cao trên thế giới, đồng thời cũng là khu vực có tốc độ suy giảm và mất đa dạng sinh học lớn nhất thế giới. Bên cạnh các nỗ lực bảo vệ tài nguyên rừng và đa dạng sinh học thông qua hệ thống rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, việc lưu giữ và phát triển các nguồn gen quý hiếm, nguồn gen bản địa là vô cùng cần thiết. Đáp ứng nhu cầu đó, hệ thống vườn thực vật trên thế giới đã ra đời.

Vườn thực vật nói chung và vườn thực vật quốc gia nói riêng không chỉ góp phần tạo nên thương hiệu quốc gia mà còn đóng góp quan trọng trong việc lưu trữ nguồn gen, bảo tồn đa dạng sinh học và là địa điểm quan trọng nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, hợp tác quốc tế và du lịch sinh thái. Trên thế giới nhiều nước xây dựng các vườn thực vật quốc gia nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, giáo dục nhiên nhiên, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và thăm quan du lịch.

Việt Nam là đất nước tươi đẹp và có tính đa dạng sinh học cao nhưng đến nay vẫn chưa có một vườn thực vật nào được xây dựng với quy mô quốc gia, đại diện cho hình ảnh đất nước giàu tài nguyên thiên nhiên, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học về thiên nhiên và thăm quan du lịch. Các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên thường phân bố ở miền núi xa xôi và chỉ đại diện cho hệ sinh thái, hệ thực vật một vùng mà chưa có tính đại diện cho Việt Nam. Bên cạnh đó tiêu chí các các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên cũng khác với tiêu chí của một vườn thực vật, chính vì vậy việc nghiên cứu xây dựng một vườn thực vật quốc gia là hết sức cần thiết.

Luật Lâm nghiệp 2017 đã thể chế hóa vườn thực vật quốc gia thành một phân hạng rừng đặc dụng, mở ra cơ hội cho việc bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học. Tuy nhiên, về loại rừng này cho tới nay chưa có quy định cụ thể nào để xác định và quản lý hình thức rừng đặc dụng mang tính quốc gia này.

Trong khuôn khổ thực hiện dự án ***Bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam*** do Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Đức (BMZ) tài trợ, nhằm hoàn thiện khung chính sách pháp luật cho các loại hình rừng đặc dụng mới, Trung tâm Con người và Thiên nhiên đã tiến hành nghiên cứu để cung cấp những căn cứ và góp ý hoàn chỉnh khung chính sách cho loại hình rừng này.

### **Mục tiêu nghiên cứu**

Đánh giá tổng quan về Vườn thực vật ở Việt Nam và đề xuất hoàn thiện khung pháp lý và chính sách quản lý cho loại hình rừng đặc dụng là Vườn thực vật quốc gia (VTV QG) theo Luật Lâm nghiệp 2017.

## **Nội dung nghiên cứu**

- Tổng quan về các Vườn thực vật ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế trong quản lý Vườn thực vật;
- Xác định các tiêu chí kỹ thuật, điều kiện để xác lập loại hình Vườn thực vật quốc gia như một dạng rừng đặc dụng.
- Đề xuất góp ý cho quy định về trình tự thành lập và quản lý VTV QG.

## **Phương pháp nghiên cứu**

*Phân tích các tài liệu thứ cấp:* Rà soát và tổng hợp tài liệu, văn bản pháp quy, các báo cáo khoa học về vườn thực vật quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Tham khảo các tài liệu của Hiệp hội quốc tế bảo tồn vườn thực vật (BGCI).

Tiến hành phân tích so sánh giữa các VTV thuộc các loại hình quản lý khác nhau ở Việt Nam, đánh giá theo các tiêu chí liên quan về quy mô, mức độ đa dạng sinh học cũng như những hoạt động nghiên cứu, giáo dục, dịch vụ khác. Việc phân tích so sánh hiện trạng các VTV trong nước cho phép khái quát được thực tế về VTV và giúp xác định tính khả thi khi đặt ra mức độ cho các tiêu chí phê duyệt loại hình VTV QG.

*Khảo sát thực tế:* Khảo sát hiện trạng một số vườn thực vật, khu rừng tiềm năng phát triển thành vườn thực vật, vườn thực vật quốc gia. Trong đó tập trung vào diện tích, số loài thực vật, tình hình đầu tư, trồng suu tập các loài cây, vấn đề quy hoạch, tài chính, nhân sự, vận hành và quản lý vườn thực vật cũng như các kiến nghị, đề xuất.

## **Nghiên cứu đã khảo sát tại Vườn thực vật Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Vườn quốc gia Cát Tiên, Vườn quốc gia Cúc Phương và Rừng quốc gia Yên Tử, Quảng Ninh. Phụ lục 2. Đề xuất chính sách Quản lý vườn thực vật quốc gia**

### **1. Trách nhiệm quản lý vườn thực vật quốc gia**

- a) Tổng cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước đối với vườn thực vật quốc gia trong phạm vi cả nước;
- b) Các đơn vị được Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn giao nhiệm vụ quản lý các vườn thực vật quốc gia chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện quản lý đối với vườn thực vật quốc gia được Bộ trưởng giao nhiệm vụ. Các đơn vị được giao nhiệm vụ Quản lý vườn thực vật quốc gia thành lập Ban quản lý quản lý và vận hành vườn thực vật quốc gia theo quy định.

### **2. Bảo vệ vườn thực vật quốc gia**

- a) Không tiến hành các hoạt động sau đây trong vườn quốc gia: các hoạt động làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của vườn thực vật quốc gia; khai thác trái phép tài nguyên sinh vật và các tài nguyên thiên nhiên khác; gây ô nhiễm môi trường; mang hóa chất độc hại,



chất nổ, chất dễ cháy trái quy định của pháp luật vào rừng; chặn thả gia súc, gia cầm trong vườn thực vật quốc gia.

b) Việc bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Lâm nghiệp; quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

c. Thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng quy định tại Chương IV của Nghị định 156/2018 ND-CP quy định chi tiết thi hành một số điều luật Lâm nghiệp.

d. Thực hiện các quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại rừng theo quy định tại Điều 40 của Luật Lâm nghiệp.

### **3. Khai thác lâm sản trong vườn thực vật quốc gia**

Đối tượng khai thác: Được khai thác vật liệu giống; Được khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nấm trong quá trình thực hiện điều chỉnh tổ thành rừng, nuôi dưỡng rừng và áp dụng biện pháp lâm sinh khác; khai thác tận thu gỗ, củi, thực vật rừng, nấm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khai thác tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ.

Điều kiện: có dự án lâm sinh đối với trường hợp khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 của Luật Lâm nghiệp; phương án khai thác tận thu gỗ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 của Luật Lâm nghiệp; quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với đối tượng khai thác tận dụng trong phạm vi giải phóng mặt bằng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 của Luật Lâm nghiệp.

### **4. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong vườn thực vật quốc gia**

1. Cán bộ thuộc vườn thực vật quốc gia tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học thì thực hiện theo đề tài, dự án, kế hoạch đã được duyệt.

2. Đối với các tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo, nhà khoa học, học sinh, sinh viên thực hiện việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) Có kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại vườn thực vật quốc gia;

b) Các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, thu thập mẫu vật, nguồn gen, vận chuyển, lưu giữ, công bố mẫu vật, nguồn gen thực hiện theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý và sự hướng dẫn, giám sát của vườn thực vật quốc gia

c) Thông báo cho cơ quan quản lý vườn thực vật quốc gia về kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập; tài liệu công bố trong nước hoặc quốc tế (nếu có).

## **5. Cơ chế tài chính đầu tư và phát triển vườn thực vật quốc gia.**

### *5.1. Nguyên tắc chung*

Nhà nước đầu tư xây dựng và quản lý vườn thực vật quốc gia thuộc sở hữu và quản lý của Nhà nước;

Các tổ chức, tập đoàn, cá nhân đầu tư xây dựng và quản lý vườn thực vật quốc gia do tổ chức, tập đoàn, cá nhân sở hữu.

### *5.2. Chính sách đầu tư*

Nhà nước đầu tư ngân sách cho các hoạt động sau của vườn thực vật quốc gia thuộc sở hữu Nhà nước.

- a) Xây dựng vườn thực vật quốc gia theo đề án được phê duyệt;
- b) Hoạt động quản lý của các ban quản lý vườn thực vật quốc gia;
- c) Hoạt động chăm sóc, bảo vệ vườn thực vật quốc gia;
- d) Hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, hợp tác và phát triển nguồn nhân lực;
- e) Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học, các hoạt động quảng bá, tuyên truyền và giới thiệu vườn thực vật quốc gia;
- f) Hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng trừ sâu bệnh hại rừng.
- g) Mua sắm trang thiết bị giám sát, bảo tồn và phát triển các loài thực vật quý hiếm, các loài có giá trị kinh tế cao tại vườn thực vật quốc gia;
- h) Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ cho bảo vệ và phát triển vườn thực vật quốc gia;

*5.3. Nguồn kinh phí:* Kinh phí đầu tư cho xây dựng, quản lý và vận hành vườn thực vật quốc gia từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Nguồn vốn ODA, các chương trình, dự án hợp tác trong và ngoài nước;
- c) Các tập đoàn, doanh nghiệp và cá nhân;
- d) Các hoạt động du lịch và dịch vụ của vườn thực vật quốc gia.

### **Phụ lục 3. Bộ câu hỏi nghiên cứu**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG**

Họ và tên cán bộ cung cấp thông tin:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

#### **II. THÔNG TIN VỀ VƯỜN THỰC VẬT**

Câu 1. Vườn thực vật nơi anh/chị công tác được thành lập khi nào?

Câu 2. Cơ quan quản lý trực tiếp vườn thực vật?

Câu 3. Diện tích vườn thực vật?

Câu 4. Các phân khu chức năng vườn thực vật?

Câu 5. Tổng số loài hiện có tại vườn thực vật? Số cây mỗi loài?

Câu 6. Tổng số loài quý hiếm?

Câu 7. Tổng số cán bộ đang làm việc tại vườn thực vật?

Câu 8. Tài chính cho việc xây dựng, vận hành và quản lý vườn thực vật? Cơ chế tài chính cho vườn thực vật?

Câu 9. Những thuận lợi và khó khăn trong xây dựng, vận hành và quản lý vườn thực vật?

Câu 10. Theo anh chị để xây dựng vườn thực vật quốc gia cần có những tiêu chí gì? (Diện tích, số loài, cơ sở hạ tầng, quản lý, đào tạo, nghiên cứu, hợp tác.....)

Câu 11. Theo anh chị vườn thực vật nên được quản lý thế nào cho hiệu quả nhất?

Câu 12. Anh chị có kiến nghị gì về chính sách trong việc xây dựng và quản lý vườn thực vật?

xem ở phần Phụ lục.

Bên cạnh việc khảo sát các vườn thực vật trong nước thì tư vấn đã tổng kết kinh nghiệm thực tiễn từ các chuyến khảo sát, thăm quan làm việc tại một số vườn thực vật trên thế giới như Vườn thực vật Hoàng gia Anh; Vườn thực vật Chang Mai, Thái Lan; Vườn thực vật Hoa Nam, Trung Quốc; Vườn thực vật Bogor, Indônêsi.

*Phương pháp tham vấn chuyên gia:* Tham vấn ý kiến chuyên gia trong và ngoài nước, đặc biệt là chuyên gia đang làm việc trong mạng lưới vườn thực vật quốc tế (BGCI), mạng lưới vườn thực vật Đông Nam Á (SEABG); chuyên gia, cán bộ quản lý đang làm việc tại các vườn thực vật tại các nước như Hà Lan, Anh, Mỹ, Tây Ban Nha, Ba Lan, Trung Quốc, Singapor, Thái Lan và Malaysia. Bên cạnh đó nghiên cứu cũng tham vấn chuyên gia trong nước tại Đại học Lâm Nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp và một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.

Nghiên cứu đã tham vấn các chuyên gia trong nước trong lĩnh vực lâm nghiệp và đa dạng sinh học thông qua cuộc họp “Đề xuất chính sách quản lý vườn thực vật quốc gia” được tổ chức ngày 23/10/2020. Chi tiết về cuộc họp xin xem tại Phụ lục 4.

# CHƯƠNG 1: CÁC VƯỜN THỰC VẬT TRÊN THẾ GIỚI

## Lịch sử phát triển vườn thực vật trên thế giới

Trên thế giới, việc gây trồng các loài thực vật đã có khoảng 3000 năm từ thời Hy Lạp. Tuy nhiên vườn thực vật thực sự đầu tiên được thành lập tại Trường Đại học Pisa, Italia bởi Luca Ghini năm 1543. Sau đó một số trường Đại học ở Italia cũng thành lập các vườn thực vật ở Padova năm 1545, Firenze năm 1545 và Bologna năm 1547. Tiếp đó các vườn thực vật (chủ yếu là vườn cây thuốc) tại các nước Châu Âu như Đức, Séc được thành lập. Một trong những vườn thực vật nổi tiếng thế giới được thành lập thời gian này là Vườn thực vật Hoàng Gia Anh Kew, Anh năm 1840 và Vườn thực vật Real Jardín Botánico, Tây Ban Nha năm 1755.

Hiện nay thế giới có khoảng 1.775 vườn thực vật tại 148 quốc gia. Bên cạnh đó nhiều nước cũng có kế hoạch thành lập các vườn thực vật nhằm phục vụ cho công tác bảo tồn, đào tạo, nghiên cứu khoa học và du lịch sinh thái.

Hiệp hội quốc tế bảo tồn Vườn thực vật (BGCI) là một tổ chức thiện nguyện bảo tồn thực vật có trụ sở tại Kew, London, Anh. Đây là một tổ chức thành viên, làm việc với 800 vườn thực vật ở 118 quốc gia, công việc kết hợp của họ tạo thành mạng lưới bảo tồn thực vật lớn nhất thế giới. BGCI đã biên soạn và công bố nhiều tài liệu và thông tin phục vụ cho hoạt động của các vườn thực vật thành viên.

Sau đây là thông tin tóm tắt về một số Vườn thực vật lớn trên thế giới và trong khu vực.

**Vườn thực vật Hoàng gia Anh Kew:** Vườn thực vật Hoàng gia Anh Kew được thành lập năm 1840 với tổng diện tích 121 ha. Vườn thực vật là nơi sưu tập hơn 30.000 loài thực vật sống và trên 7 triệu mẫu tiêu bản. Vườn thực vật có các viện nghiên cứu, trung tâm đào tạo, trung tâm du khách, trung tâm lưu trữ và bảo quản mẫu vật tiêu bản. Thư viện của khu vườn chứa hơn 750.000 đầu sách, trong đó có khoảng 175.000 bản in và bản vẽ minh họa các loài thực vật. Vườn thực vật Hoàng Gia Anh Kew là một trong những trung tâm nghiên cứu thực vật hàng đầu thế giới, nơi đây cũng là một trong những địa điểm du lịch hàng đầu tại London, thu hút hơn 2 triệu lượt du khách ghé thăm mỗi năm. Năm 2003, Vườn thực vật Hoàng gia Kew được UNESCO công nhận là di sản thế giới. <https://www.kew.org/>

**Vườn thực vật quốc gia Ireland:** Vườn thực vật quốc gia Ireland được thành lập năm 1795 với tổng diện tích 19,5ha. Vườn là nơi sưu tập gần 20.000 cây sống và hơn 20.000 mẫu tiêu bản thực vật. Vườn có các phòng thí nghiệm, phòng tiêu bản và đặc biệt có các phân khu nổi tiếng như nhà kính, khu cau dừa, khu dương xỉ. Vườn thực vật quốc gia Ireland là một trong những trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo hàng đầu về thực vật của Ireland. <http://botanicgardens.ie/>

**Vườn thực vật quốc gia Bỉ:** Vườn thực vật quốc gia Bỉ chính thức được thành lập năm 1958. Tuy nhiên lịch sử hình thành và phát triển khu vườn có từ năm 1796 với nhiều tên gọi khác nhau. Khu vườn có diện tích 96ha và là nơi sưu tập 18.000 loài thực vật và hơn 4 triệu mẫu tiêu bản. Vườn là một trong những trung tâm đào tạo và nghiên cứu thực vật ở Bỉ và thu hút khoảng 100.000 du khách tới thăm quan mỗi năm.  
<https://www.plantentuinmeise.be/en>

**Vườn thực vật quốc gia Missouri Hoa Kỳ:** Vườn thực vật được thành lập năm 1859 và là vườn thực vật lâu đời nhất nước Mỹ. Vườn có bộ sưu tập 27.000 cây sống và 6,7 triệu mẫu tiêu bản khô. Vườn có các phòng nghiên cứu, phòng bảo tàng thực vật, các khu đặc trưng như Sồi và đặc biệt Vườn có bộ sưu tập các loài phong lan quý lớn nhất Mỹ. Ngoài khu chính trong thành phố 18 ha, Vườn còn có khu bên ngoài với diện tích 969 ha. Vườn thực vật quốc gia Missouri là một trong những trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo hàng đầu Hoa Kỳ về phân loại và bảo tồn thực vật. Vườn cũng là một trong những địa điểm thu hút khách du lịch khi đến thành phố Missouri.  
<https://www.missouribotanicalgarden.org/>

**Vườn thực vật Brooklyn, Hoa Kỳ:** Vườn thực vật Brooklyn được mệnh danh là lá phổi xanh của thành phố New York. Vườn được xây dựng năm 1910 với tổng diện tích 20,8 ha. Vườn thực vật Brooklyn là nơi sưu tập hơn 12.000 loài thực vật khác nhau sinh sống, nổi bật lên đó là hàng cây anh đào rực rỡ sắc hoa. Trong vườn có viện thực vật Steinhardt và bảo tàng cây cảnh C.V. Starr. Ngoài ra, vườn Brooklyn còn bao gồm nhiều tiểu cảnh như vườn Fragrance, vườn Japanese Hill and Pond, vườn hồng. Vườn thực vật Brooklyn là địa điểm thăm quan yêu thích của những ai đến thành phố New York, Mỹ. Vườn là một trong những trung tâm nghiên cứu khoa học uy tín về thực vật.  
<https://www.bbg.org/>

**Vườn thực vật quốc gia Kirstenbosch, Nam Phi:** Vườn được thành lập 1913, đây là khu vườn quốc gia đầu tiên được thành lập ở Nam Phi với diện tích 528 ha, trong đó 36ha là khu vực trồng và diện tích còn lại là thảm thực vật tự nhiên và là một trong những vườn thực vật lớn nhất thế giới. Vườn thực vật quốc gia Kirstenbosch được biết đến là một trong những vườn thực vật đẹp nhất thế giới và là nơi bảo tồn hơn 7000 loài thực vật bản địa. Vườn thực vật quốc gia Kirstenbosch được công nhận là di sản thế giới bởi UNESCO năm 2004 và là một trong những địa điểm du lịch hàng đầu Nam Phi.  
<https://www.sanbi.org/gardens/kirstenbosch/>

**Vườn thực vật Jardim Botânico, Brazil:** Vườn được thành lập vào năm 1808 bởi vua John VI của Bồ Đào Nha, khu vườn rộng 140 ha ban đầu chỉ trồng các loại cây gia vị như: Hạt nhục đậu khấu, hạt tiêu và quế đến từ Tây Ấn trước khi chúng được nhập khẩu vào châu Âu. Hiện nay vườn là nơi sưu tập của khoảng 6.500 loài thực vật, trong đó một số loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Khu vườn được tạo ra theo phong cách nhà vườn kiểu Pháp cổ. Khu vườn có khuôn viên rộng với những đài phun, thác nước

và hồ nằm xen kẽ có thể dễ dàng nhìn thấy từ cổng chính, cùng với đó là gian nhà kính với diện tích 458 mét vuông nằm chính giữa với hàng ngàn loài cây nhiệt đới. Vườn Jardim Botânico là một trong những trung tâm nghiên cứu hàng đầu về thực vật tại Brazil nói riêng và khu vực Nam Mỹ nói chung. <http://en.jbrj.gov.br/>

**Vườn thực vật Hoa Nam Trung Quốc:** Vườn được thành lập năm 1929 với tổng diện tích 330 ha tại thành phố Quảng Châu, Trung Quốc. Vườn là nơi sưu tập 13.000 loài thực vật được bố trí theo các nhóm họ và các khu vườn nhỏ như các vườn lan, cây thuốc, vườn Tre nứa, vườn Ngọc Lan, chè... Vườn có các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học và có một trong những phòng tiêu bản thực vật lớn nhất Trung Quốc với hơn 1 triệu mẫu tiêu bản. Vườn thực vật Hoa Nam trực thuộc viện Hàn Lâm khoa học Trung Quốc. Vườn là một trong những cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu về thực vật ở Trung Quốc và là địa điểm thăm quan lý tưởng khi đến Quảng Châu. <http://english.scib.ac.cn/>

**Vườn thực vật quốc gia Úc:** Vườn được thành lập năm 1933 với diện tích 90ha và là nơi sưu tập 5500 loài cây sống với hơn 6 triệu mẫu tiêu bản. Trong vườn có các viện nghiên cứu, phòng tiêu bản thực vật quốc gia và là trung tâm nghiên cứu hàng đầu về thực vật của Úc. Vườn có bộ cơ sở dữ liệu các loài thực vật có phân bố ở Úc với đầy đủ hình ảnh và thông tin được tích hợp vào trang web của Vườn rất thuận tiện cho các hoạt động nghiên cứu, học tập và giáo dục môi trường. Vườn thực vật quốc gia Úc là một trong những địa điểm du lịch yêu thích cho cả người dân Úc và du khách nước ngoài. <https://www.anbg.gov.au/gardens/>

**Vườn thực vật Bogor, Indônêsi:** Vườn được thành lập năm 1817 với tổng diện tích 87 ha và là vườn thực vật lâu đời nhất khu vực Đông Nam Á. Vườn là nơi sưu tập hơn 17.000 loài thực vật, 12,350 mẫu tiêu bản khô, trong đó có các trung tâm nghiên cứu, nghiên cứu, bảo tàng thực vật, trung tâm du khách, các phân khu Phong lan, cây thuốc, cây bản địa.v.v. Vườn thực vật Bogor là trung tâm bảo tồn thực vật và địa điểm du lịch nổi tiếng của Indônêsi. <https://whc.unesco.org/en/tentativelists/6353/>;

**Vườn thực vật quốc gia Singapor:** Vườn được thành lập năm 1859 với tổng diện tích: 74 ha. Vườn là nơi sưu tập và bảo tồn hơn 30.000 loài thực vật, 750,000 mẫu tiêu bản khô và 9000 mẫu tiêu bản chuẩn. Vườn thực vật quốc gia Singapor là một trong những trung tâm nghiên cứu hàng đầu Châu Á về thực vật. Vườn có các trung tâm đào tạo và nghiên cứu, tạp chí, bảo tàng thực vật, trung tâm du khách, nhà kính, vườn thực vật theo chủ đề. Ngày 04 tháng 7 năm 2015, Vườn thực vật quốc gia Singapor được chính thức công nhận là di sản thế giới của UNESCO. (<https://www.nparks.gov.sg/sbg>)

**Vườn thực vật Penang, Malaysia** được thành lập năm 1884, là khu vườn thực vật lâu đời nhất ở Malaysia. Vườn có diện tích 29 ha, tọa lạc tại thung lũng được miêu tả là “một giảng đường của những ngọn đồi” bao phủ bởi những cánh rừng mưa nhiệt đới

tươi tốt. Vườn có phòng thí nghiệm, phòng tiêu bản thực vật và đặc biệt có các tuyến thăm quan trên tán cây rất hấp dẫn. <http://www.penang.ws/penang-attractions/penang-botanic-gardens.htm>

**Vườn thực vật Chàng Mai, Thái Lan** hay còn được gọi là vườn thực vật Queen Sirikit được thành lập năm 1992. Đây là vườn thực vật đạt tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên của Thái Lan. Vườn có trụ sở và khuôn viên chính ở Chàng Mai hệ thống 5 khu vườn khắp cả nước Thái Lan bao gồm Romkloa (Phitsanulok province), the Rayong (Rayong province), Koa Ra (Phangnga), Meaung Pon (Khon Kaen) và Phra Mae Ya (Sukhothai).

Vườn thực vật với nhiệm vụ chính là bảo tồn các nguồn gen thực vật Thái Lan; góp nâng cao tri thức về thực vật; Đào tạo và nghiên cứu về thực vật Thái Lan. Vườn có hệ thống phân khu thực vật theo chủ đề, hệ thống phòng thí nghiệm và phòng tiêu bản với hơn 100.000 mẫu tiêu bản thực vật.

<http://www.qsbg.org/QSBGenglishweb/>

<https://tools.bgci.org/garden.php?id=892>

### **Quản lý vườn thực vật trên thế giới**

Nhu cầu thuần dưỡng và gây trồng các loài cây hoang dã để lấy thức ăn của hàng ngàn năm trước đã mở đường cho việc làm vườn và xây dựng các khu vườn cây mà nhiều dạng thức sử dụng đến ngày nay đã gắn với khái niệm này. Trong khi các khu vườn được thiết lập cho các chức năng khác nhau trong suốt chiều dài lịch sử từ việc để thưởng thức, du ngoạn, đến nghiên cứu và sản xuất cây thuốc, hay thử nghiệm gây trồng những loài cây lạ ngoại nhập, những chức năng đa dạng này vẫn còn thể hiện rõ trong công việc của Vườn thực vật ngày nay. Sự thay đổi nhanh chóng trên toàn cầu, suy thoái môi trường và giảm đa dạng sinh học trong các thế kỷ 20 và 21 đã làm tăng thêm vai trò của các Vườn thực vật như những trung tâm cho bảo tồn đa dạng sinh học thực vật trong các bộ sưu tầm ex-situ và giáo dục môi trường. Tính đa năng của Vườn thực vật tiếp tục tăng thêm khi đối mặt với những thách thức gia tăng toàn cầu như giám sát biến đổi khí hậu, phục hồi sinh thái, an toàn lương thực và công bằng xã hội. Theo đó, các vườn thực vật đang ngày càng tỏ ra là mô hình cho phát triển bền vững, khuyến khích sử dụng những vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, cách sống ít phát thải khí nhà kính.

#### **1.1.1 Mục đích, chức năng của vườn thực vật**

Những vai trò đa dạng của vườn thực vật đối với xã hội và môi trường được minh họa rõ ràng bằng định nghĩa sau:

*“Một vườn thực vật là một tổ chức lưu giữ các bộ sưu tập được tài liệu hóa về những thực vật sống phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, bảo tồn, trưng bày và giáo dục”* (Wyse Jackson, 1999).



Mặc dù định nghĩa này không yêu cầu một tổ chức phải giải quyết tất cả các chủ đề này, nhưng nó đặt bộ sưu tập thực vật sống và những tài liệu cho chúng ở trung tâm hoạt động của vườn thực vật. Tới lượt mình, các bộ sưu tập thực vật sống và bản chất của thông tin được ghi lại và quản lý sẽ khác nhau tùy theo chức năng của chúng, có thể là để nghiên cứu, bảo tồn, giáo dục, thưởng thức hay quan hệ công chúng.

Việc xác định nghĩa một tổ chức là vườn thực vật dựa trên những tiêu chuẩn tối thiểu đối với hồ sơ tài liệu cho các bộ sưu tập, phục vụ các mục đích khác nhau. Tuy nhiên, đây vẫn là vấn đề đang tranh luận trong cộng đồng các nhà thực vật. Ví dụ, có thể nói tới những tổ chức đã từng có hoạt động lâu dài mà những hồ sơ tài liệu cho bộ sưu tập thực vật của chúng đã bị mất, nhưng bản thân những loài thực vật này lại là những mẫu vật độc đáo của những các loài bị đe dọa, thậm chí đã tuyệt chủng, có giá trị di sản rất lớn. Hoặc các tổ chức có giáo dục hay giải trí là mục tiêu chính, nên thông tin về nguồn gốc của các mẫu trong bộ sưu tập rất hạn chế. Tuy nhiên, dù thế nào thì hồ sơ tài liệu cho các cây trong bộ sưu tập thực vật là điều cần thiết trong bối cảnh của luật pháp và các công ước quốc tế chi phối việc trao đổi tài nguyên thực vật. Thông tin toàn diện đầy đủ về những loài cây của vườn thực vật là một điều cần thiết để chứng minh tính tuân thủ luật pháp và quy định.

Vườn thực vật đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát triển nguồn gen thực vật nên mục tiêu hoạt động và chức năng của nó có thể đối chiếu với những mục tiêu đa dạng sinh học trong **Chiến lược toàn cầu về bảo tồn thực vật 2020** (tương thích với những Mục tiêu ĐDSH Aichi).

*Mục tiêu I: Đa dạng sinh học thực vật được biết đầy đủ, được tài liệu hóa và công nhận.*

*Mục tiêu II: Đa dạng sinh học thực vật được bảo tồn một cách khẩn cấp và hiệu quả.*

*Mục tiêu III: Đa dạng sinh học thực vật được sử dụng theo cách thức bền vững và công bằng*

*Mục tiêu IV: Giáo dục và nhận thức về đa dạng sinh học thực vật, vai trò của nó trong sinh kế bền vững và tầm quan trọng đối với tất cả sự sống trên trái đất được đẩy mạnh.*

*Mục tiêu V: Năng lực và sự tham gia của công chúng trong thực hiện Chiến lược được tăng cường.*

### **1.1.2 Quản lý và điều hành vườn thực vật**

Các vườn thực vật trên thế giới rất đa dạng không chỉ về chức năng mà còn ở bộ máy quản lý và điều hành. Một số **loại hình quản trị** chính đối với vườn thực vật được sắp xếp như sau:

- Những tổ chức tự nguyện, đoàn hội: ví dụ như các hội sinh vật cảnh, một số cá nhân tự nguyện đứng ra xây dựng vườn thực vật.
- Các đơn vị nhà nước: có thể ở các cấp từ phường xã, huyện, tỉnh đến cấp quốc gia, được nhà nước đầu tư và duy trì.
- Các trường đại học và cao đẳng: là các đơn vị giáo dục, thường các trường đại học lớn đều có một khu vườn thực vật phục vụ cho công tác giảng dạy.
- Các tổ chức phi lợi nhuận và thiện nguyện: hoạt động không vì lợi nhuận, hoặc trên cơ sở tài trợ thiện nguyện.
- Các doanh nghiệp: hoạt động vì lợi nhuận.
- Những đơn vị có hình thức quản trị kết hợp khác.

**Nguồn kinh phí** duy trì và phát triển vườn thực vật có thể bao gồm:

- Thu từ kinh doanh: vé vào cửa, bán hàng, tổ chức các dịch vụ và sự kiện.
- Kinh phí tài trợ
- Đầu tư của nhà nước hoặc cơ quan chủ quản
- Hội phí và những đóng góp của cộng đồng cộng tác với vườn.
- Đầu tư cơ bản theo các dự án.

## **Những hoạt động của các vườn thực vật**

### **1.1.3 Sưu tầm thực vật**

Việc thu mẫu thực vật cần có mục đích rõ ràng, phù hợp với mỗi vườn thực vật, kèm theo hồ sơ thông tin đầy đủ, được xử lý bằng những chương trình cơ sở dữ liệu chuyên môn.

Đối với những loài cây nhập nội và quý hiếm cần tuân thủ theo một số những công ước quốc tế, cụ thể là:

- Công ước Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).
- Công ước Đa dạng Sinh học (CBD). Trong đó có Chiến lược toàn cầu về Đa dạng sinh học thực vật (GSPC).
- Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen, chia sẻ công bằng và hợp lý lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.
- Hiệp ước quốc tế về tài nguyên di truyền thực vật cho lương thực và nông nghiệp (ITPGRFA).
- Liên hiệp quốc tế bảo vệ các giống thực vật mới (UPOV).
- Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC).
- Chương trình nghị sự 21 về Phát triển bền vững.

#### **1.1.4 Gây trồng và chăm sóc cảnh quan**

Gồm các hoạt động như:

- Lựa chọn sinh cảnh và loài cây trồng.
- Nguồn giống
- Bảo vệ thực vật
- Nhân giống và tạo giống
- Trồng và chăm sóc.

#### **1.1.5 Nghiên cứu, bảo tồn**

Gồm các hoạt động như:

- Bảo tồn Ex situ. Xây dựng và đánh giá bằng tiêu chí bảo tồn của IUCN theo Danh lục đỏ các loài nguy cấp.

- Bộ sưu tầm cây sống, ngân hàng hạt, ngân hàng phấn hoa và bào tử, ngân hàng gen.

- Bộ sưu tầm mẫu vật, tiêu bản thực vật

- Bảo tồn ex situ hỗ trợ cho bảo tồn in situ thông qua việc trồng bổ sung vào quần thể tự nhiên đang suy giảm, trồng lại vào sinh cảnh tự nhiên của loài, trồng phục hồi rừng, trồng dẫn giống ở những nơi khác.

#### **1.1.6 Giáo dục, quan hệ công chúng**

Gồm các hoạt động như:

- Giáo dục trường học
- Đào tạo nghề
- Thuyết trình và hướng dẫn thăm quan
- Hội làm vườn hay quan hệ cộng tác viên
- Hợp tác quốc tế.

#### **1.1.7 Du lịch và kinh doanh**

- Dịch vụ du khách
- Quảng bá.

#### **1.1.8 Vườn thực vật như một mô hình bảo vệ môi trường**

Đây là một chức năng mới được thấy ở các vườn thực vật tiên tiến trên thế giới.

- Kiểm soát ô nhiễm
- Thiết kế xây dựng thân thiện
- Quản lý rác thải
- Quản lý nước

- Quản lý năng lượng
- Vận tải
- Mua sắm
- Đa dạng sinh học.

## CHƯƠNG 2: CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẢN LÝ CÁC VƯỜN THỰC VẬT

### 2.1. CHÍNH SÁCH VỀ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN CÁC VƯỜN THỰC VẬT

Nội dung về Vườn thực vật quốc gia (VTV QG) đã được ngành lâm nghiệp được đưa ra từ năm 2015 trong **Quyết định số 1671/QĐ- TTg**<sup>1</sup>. Quyết định này đã phê duyệt danh mục các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện, trong đó có nhiệm vụ “Xây dựng vườn thực vật quốc gia”. Nhiệm vụ này được giao cho Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì thực hiện trong giai đoạn 2018-2015. VTV QG được coi là một trong những giải pháp ưu tiên đối với việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen ở Việt Nam.

Cũng trong Quyết định 1671 đã xác định nguồn đầu tư cho VTV QG:

*- Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ trong Mạng lưới quỹ gen quốc gia, trong đó tập trung cho Ngân hàng gen cây trồng quốc gia, Trung tâm nghiên cứu nguồn gen và giống dược liệu quốc gia, Vườn thực vật quốc gia, Trung tâm nguồn gen vật nuôi quốc gia, Trung tâm nguồn gen thủy sản quốc gia, Ngân hàng gen vi sinh vật quốc gia.*

*- Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nguồn lực thực hiện việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen.*

Như vậy VTV QG ngay từ đầu đã được xác định là một trong những mắt xích của Mạng lưới quỹ gen quốc gia, được nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Đồng thời việc tham gia đầu tư của các đơn vị ngoài nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân cũng được khuyến khích đối với loại hình này.

Tiếp theo, nhằm giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc Bộ NN&PTNT thực hiện quyết định số 1671/QĐ- TTg, Bộ trưởng Bộ nông nghiệp đã có Quyết định số 2874/QĐ-BNN- KHCV ngày 3/7/2017, trong đó giao Trường Đại học Lâm nghiệp chủ trì nghiên cứu đề xuất phương thực hiện việc xây dựng Vườn thực vật quốc gia. Theo đó, cách hiểu VTV QG là một khu vườn tiêu biểu chung cho cả nước.

Một văn bản pháp quy khác có đề cập đến khái niệm Vườn thực vật là **Nghị định số 06/2019/NĐ-CP**<sup>2</sup>. Tại điều 3, Chương I Nghị định giải thích Vườn thực vật như sau:

---

<sup>1</sup> Quyết định số 1671/QĐ- TTg ngày 28/9/2015 của Thủ Tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

<sup>2</sup> Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

*Vườn thực vật là nơi sưu tập, chăm sóc các loài thực vật hoang dã phục vụ mục đích trưng bày, nhân giống, giáo dục môi trường và nghiên cứu khoa học.*

## 2.2. QUY ĐỊNH LOẠI HÌNH VƯỜN THỰC VẬT QUỐC GIA TRONG HỆ THỐNG RỪNG ĐẶC DỤNG

Trong hệ thống rừng đặc dụng, khái niệm Vườn thực vật quốc gia (VTV QG) được xác lập trong **Luật Lâm nghiệp**<sup>3</sup> ban hành tháng 11 năm 2017, trong đó Vườn thực vật quốc gia được xếp là 1 trong 4 loại hình của Rừng đặc dụng cùng với các khu nghiên cứu thực nghiệm khoa học và rừng giống quốc gia (Điều 5, chương I). Khác hẳn so với các loại rừng bảo tồn đa dạng sinh học, các loại rừng nghiên cứu thực nghiệm không thành lập ban quản lý rừng chuyên biệt mà được giao cho các đơn vị chủ rừng tự quản lý (Điều 26, mục 2).

Tuy nhiên, trong Luật Lâm nghiệp 2017 đã không định nghĩa khái niệm VTV QG, mà chỉ quy định chức năng của VTV QG như sau: *Đối với vườn thực vật quốc gia, thực hiện hoạt động sưu tập, chọn lọc, lưu giữ, gây trồng loài cây bản địa gắn với nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, tham quan du lịch* (Điều 46, khoản 5).

Với quy định của Luật Lâm nghiệp thì như vậy không phải chỉ có 1 VTV đại diện của cả quốc gia, mà là một hệ thống các VTV đủ tiêu chuẩn và có chức năng phù hợp sẽ được xác lập trong phân hạng của rừng đặc dụng.

Về việc khai thác lâm sản đối với VTV QG được Luật Lâm nghiệp (Điều 52, khoản 4) quy định như sau:

- Được khai thác vật liệu giống;

- Được khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nắm trong quá trình thực hiện điều chỉnh tổ thành rừng, nuôi dưỡng rừng và áp dụng biện pháp lâm sinh khác; khai thác tận thu gỗ, củi, thực vật rừng, nắm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khai thác tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ.

Có thể thấy việc khai thác và các can thiệp lâm sinh trong VTV QG được Luật Lâm nghiệp quy định rất nghiêm ngặt như đối với các loại hình rừng đặc dụng nói chung.

Nhằm hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp 2017, **Nghị định 156/2018/NĐ – CP** đã ban hành ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp. Trong đó Điều 6, mục 1 về Tiêu chí rừng đặc dụng có quy định:

*Vườn thực vật quốc gia là Khu rừng lưu trữ, sưu tập các loài thực vật ở Việt Nam và thế giới để phục vụ nghiên cứu, tham quan, giáo dục, có số lượng loài thân gỗ từ 500 loài trở lên và diện tích tối thiểu 50 ha.*

---

<sup>3</sup> Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quy định hướng dẫn này về loại hình VTV QG tỏ ra khá ngắn gọn, rõ ràng, nhưng trong đó đã mở rộng hơn đối tượng loài thực vật được sưu tầm từ cây bản địa (theo Luật Lâm nghiệp 2017) sang các loài thực vật ở Việt Nam và thế giới. 2 tiêu chí xác định Vườn thực vật quốc gia được đưa ra là

- Có từ 500 loài cây thân gỗ trở lên.
- Diện tích tối thiểu 50 ha.

Tuy nhiên, Nghị định đã không giải thích trên cơ sở nào để đặt ra những tiêu chí này.

Về phương thức quản lý VTV QG Nghị định 156/2018 đã không đưa ra hướng dẫn cụ thể hơn đối với việc khai thác lâm sản trong Vườn thực vật quốc gia, mà chỉ dẫn lại khoản 4 Điều 52 của Luật Lâm nghiệp và áp dụng chung những quy định khác cho rừng đặc dụng đối với VTV QG. Kèm theo đó là các điều kiện cho việc khai thác (Điều 12, mục 1):

*- Dự án lâm sinh đối với trường hợp khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh; hoặc*

*- Phương án khai thác tận thu gỗ theo quy định của Bộ NN&PTNT; hoặc*

*- Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với đối tượng khai thác tận dụng trong phạm vi giải phóng mặt bằng.*

Có thể thấy về mặt văn bản pháp quy hiện đang có 2 xu hướng quy định đối với khái niệm VTV QG. Hướng thứ nhất là coi đây là một đơn vị có đầy đủ các chức năng của VTV và tiêu biểu cho quốc gia. Hướng thứ hai là quy định trong Luật lâm nghiệp như một trong các loại rừng đặc dụng, không kèm theo các yêu cầu chức năng khác ngoài mức độ đa dạng sinh học.

## CHƯƠNG 3: HIỆN TRẠNG CÁC VƯỜN THỰC VẬT Ở VIỆT NAM

Vườn thực vật đã được hình thành và xây dựng ở Việt Nam khá sớm, từ những năm cuối thế kỷ 19 với vườn Bách thảo Hà Nội năm 1890 và Thảo cầm viên Sài Gòn năm 1864. Số lượng VTV ở nước ta chưa có thống kê đầy đủ, nhưng trên cơ sở khảo sát một số VTV ở các vùng sinh thái trên cả nước, có thể kể đến một số VTV điển hình có hình thức quản lý khác nhau dưới đây.

### 3.1. CÁC VTV TRONG HỆ THỐNG KHU BTN VÀ VQG

Các VTV nằm trong hệ thống khu BTN và VQG là những VTV quan trọng nhất hiện có. Các VTV này thường có diện tích khá lớn, đa dạng các loài cây được sưu tầm. Thường các VTV này được thiết lập trong phân khu hành chính của khu bảo tồn bằng cách sưu tầm và trồng mới trên đất trống hoặc đất rừng, tái sinh. Cũng có trường hợp (tuy không nhiều) VTV được quy hoạch từ diện tích rừng tự nhiên vốn có của khu bảo tồn. Dù là ở vị trí nào thì các VTV đều đã được xác định là lâm phần thuộc rừng đặc dụng.

Các VTV trong hệ thống này đều được đầu tư bởi nhà nước, cụ thể là Bộ NN&PTNT. Thường với mục đích là sưu tầm, bảo tồn những loại thực vật bản địa đặc trưng của vùng sinh thái tương ứng. Việc dẫn nhập giống từ các vùng sinh thái khác hoặc từ quốc gia khác hạn chế hơn, một phần xuất phát từ ngay quy định về khu bảo tồn, không được sử dụng loài cây ngoại lai trong trồng rừng ở loại rừng này.

Do nằm trong hệ thống khu bảo tồn nên thường các VTV ở đây có điều kiện thuận lợi về năng lực của các cán bộ kỹ thuật, về cơ sở vật chất cho nghiên cứu phát triển (nhà lưới, vườn ươm, phòng tiêu bản...), về điều kiện phát triển du lịch và giáo dục môi trường. Tuy nhiên, vấn đề lớn nhất là do nằm trong phạm vi rừng đặc dụng cần được bảo vệ nghiêm ngặt nên những can thiệp lâm sinh cần thiết cho VTV như tỉa thưa, trồng thay thế, tái quy hoạch các khu trồng... tỏ ra rất khó khăn.

#### 3.1.1. Vườn thực vật Vườn quốc gia Cúc Phương

Vườn thực vật Cúc Phương được thành lập ngày 2/7/1988<sup>4</sup> theo. Vườn thực vật Cúc Phương có diện tích 160 ha, được phân chia thành 9 khu trồng cây: 07 khu trồng cây thân gỗ (5 khu trồng cây bản địa Cúc Phương, 01 khu trồng cây miền bắc và 01 khu cho cây nhập nội), 01 khu trồng cây thân tre và 01 khu làm vườn cây ăn quả.

Tổng số loài hiện có ở vườn thực vật Cúc Phương trồng có 680 loài. Trong đó có 250 loài cây gỗ tại rừng Cúc Phương, 85 loài cây gỗ của các vùng khác ở Việt nam, 5 loài nhập nội, 25 loài thuộc họ ráy, 20 loài cây ăn quả 15 loài tre trúc, 15 loài cau dừa, hơn 100 loài cây thuốc, 140 loài phong lan và 25 loài Tuế. Trong những năm gần đây,

---

<sup>4</sup> Quyết định số 470/XDCB ngày 2/7/1988 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp phê duyệt thiết kế sơ bộ khái toán Vườn thực vật của VQG Cúc Phương



vườn thực vật còn được kế thừa các kết quả là sản phẩm của các đề tài nghiên cứu khoa học trong đó tập trung trồng bảo tồn các loài cây thuốc, các loài Lan và các loài Tuế và cây hạt trần.

Loài có số lượng cá thể lớn nhất là hơn 600 cá thể (như Thừng mực) ... có loài có 1-2 cá thể như các loài Lan, cây thuốc, Tuế. Vườn thực vật Cúc Phương có 145 loài thực vật quý hiếm như Kim giao, Thông tre, Vù hương, Đinh hương, Mạ sưa Cúc Phương, Sưa đỏ, Bách xanh, Lim xanh, các loài Lan, các loài Tuế, các loài cây thuốc quý hiếm.

Hiện nay VTV được giao Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và Phát triển sinh vật trực tiếp quản lý. Cùng với đó, VQG Cúc Phương có một cơ sở lưu mẫu tiêu bản thực vật được đầu tư khá tốt, với đội ngũ cán bộ khoa học và thực hành có trình độ và kinh nghiệm. VQG Cúc Phương là nơi được nhiều đoàn học sinh, sinh viên để học tập, tìm hiểu. Là một địa điểm thuận lợi cho công tác nghiên cứu, giáo dục và hợp tác quốc tế.

VQG Cúc Phương cũng là nơi có lượng du khách hàng năm tới thăm lớn, có bộ phận chuyên trách cho phục vụ du khách và kinh doanh du lịch. BQL VQG Cúc Phương đang có dự định mở cửa VTV để cho du khách thăm quan.

### **3.1.2. Vườn thực vật Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà**

Vườn thực vật thuộc vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà được thành lập năm 2015 với diện tích 5ha. Vườn chia thành 5 phân khu: Khu cây trồng trang trí; Khu đổi màu (trồng các cây đổi màu theo mùa); Khu lá kim; Khu lá rộng và Khu nhập nội. Hiện tại vườn có 2.725 cây thân gỗ thuộc 158 loài, trong đó có 48 loài quý hiếm.

Mặc dù VQG Bì Đúp – Núi Bà nằm trong khu vực du lịch thuận lợi của tỉnh Lâm Đồng, nhưng do VTV mới được thiết lập, quy mô nhỏ nên chưa được sử dụng cho du khách và các chương trình giáo dục cộng đồng.

### **3.1.3. Vườn thực vật Vườn quốc gia Pù Mát**

Vườn thực vật thuộc vườn quốc gia Pù Mát được thành lập theo Quyết định số 2623/QĐ-UB-NN ngày 19 tháng 7 năm 2004 với tổng diện tích 110 ha. Vườn được chia thành 2 phân khu chính: phân khu vực trồng các loài cây bản địa có phân bố tại địa phương diện tích 54ha và phân khu phục hồi tái sinh với diện tích 56ha. Hiện tại vườn là nơi sưu tập 336 loài thuộc 82 họ thực vật, trong đó có 35 loài thực vật quý hiếm.

Hoạt động giáo dục, du lịch cũng như nghiên cứu khoa học ở VQG Pù Mát không có nhiều do địa điểm ở xa trung tâm thành phố lớn.

### **3.1.4. Vườn thực vật Khu BTTN Bình Châu – Phước Bửu**

Vườn thực vật thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được thành lập năm 2001 với diện tích 60ha. Vườn là nơi sưu tập 230 loài cây thân gỗ, trong đó nhiều cây thuộc họ Dầu – Dipterocarpaceae và 21 loài thực vật quý hiếm.

Vườn đã phân ra 03 khu vực: Khu vực văn phòng (0,5ha), Khu vực vườn sưu tập kết hợp nuôi động vật hoang dã diện tích 55ha và khu vực sinh cảnh Hồ Tràm nước diện tích 4,5ha.

Khu BTTN Bình Châu – Phước Bửu có vị trí ven biển, gần TP. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu nên khá thuận lợi trong việc đón tiếp du khách, kinh doanh dịch vụ du lịch, bao gồm cả việc thăm quan VTV. Khu BTTN cũng có quan hệ hợp tác với các đơn vị nghiên cứu và đào tạo ở TP. Hồ Chí Minh tiến hành các đề tài và chương trình giáo dục về thực vật, cũng như động vật.

### **3.1.5. Vườn thực vật Vườn quốc gia Cát Tiên**

Vườn thực vật thuộc vườn quốc gia Cát Tiên được thành lập theo quyết định số 3334- QĐ/BNN-PTNT ngày 7 tháng 12 năm 1998 với diện tích 29,6 ha. Vườn được chia thành 3 phân khu: Phân khu bảo tồn nguồn gen với diện tích 12,8ha, phân khu trồng bổ xung các loài thực vật 6,3ha và phân khu trồng mới thực vật 10,2ha. Hiện tại vườn là nơi sưu tập, bảo tồn 385 loài thực vật, trong đó có nhiều loài quý hiếm như Gõ đỏ, Cẩm lai, Giáng hương quả to...

VQG Cát Tiên là nơi thu hút được lượng du khách khá đông hàng năm tới thăm quan du lịch, nghỉ dưỡng do thuận tiện giao thông tới TP. Hồ Chí Minh và do cảnh quan và đa dạng sinh học của VQG còn duy trì được rất tốt. Việc hợp tác nghiên cứu khoa học và giáo dục môi trường cũng được thực hiện. Trong VQG còn có Trạm nghiên cứu thực nghiệm lâm sinh do Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga hỗ trợ.

### **3.1.6. Rừng quốc gia Yên Tử**

Rừng Quốc gia (RQG) Yên Tử có tổng diện tích tự nhiên là 2.783,0 ha, thuộc địa phận xã Thượng Yên Công, xã Phương Đông, Thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Bảy trăm năm về trước, Hoàng Đế Trần Nhân Tông đã chọn nơi đây để tu hành, khai sinh ra dòng thiền Việt Nam. Ngày nay, Yên Tử nổi tiếng cả nước bởi nơi đây còn lưu lại nhiều dấu tích của mọi nền văn hóa Phật giáo Việt Nam “Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử”. Rừng cấm quốc gia Yên Tử được thành lập theo quyết định số 194/CP ngày 09 tháng 06 năm 1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ. Ngày 26 tháng 9 năm 2011 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1671/QĐ-TTg thành lập Rừng Quốc gia Yên Tử. Hệ thực vật Rừng Quốc gia Yên Tử khá đa dạng và phong phú với 174 họ, 588 chi và 987 loài của 5 ngành thực vật, trong đó 94 loài thuộc 77 chi và 49 họ thực vật quý hiếm.

## **3.2. CÁC VTV THUỘC CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU**

VTV được thành lập trong các đơn vị nghiên cứu giảng dạy ban đầu với mục đích phục vụ nghiên cứu và đào tạo là chính, nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen ở mức thấp hơn. Các VTV này được cơ quan chủ quản đầu tư, diện tích dao động, nhưng nhìn chung là

tương đối rộng. Các loài được thu thập vẫn tập trung là các loài cây bản địa, nhưng phạm vi có thể rộng hơn vùng sinh thái của đơn vị.

Do nằm trong các đơn vị nghiên cứu giảng dạy nên các VTV này thường được quản lý bởi những cán bộ có chuyên môn thực vật tốt, kèm theo các điều kiện về lưu trữ tiêu bản, lưu trữ hồ sơ, vườn ươm đầy đủ. VTV này được sử dụng trực tiếp vào việc giáo dục cho học sinh sinh viên. Tuy nhiên, hạn chế là các VTV này thường không mở cửa đón khách du lịch hay người thăm quan bên ngoài.

### **3.2.1. Vườn thực vật Trường Đại học Lâm nghiệp**

Là vườn thực vật nằm trong hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam với thang phân hạng là khu rừng thực nghiệm nghiên cứu khoa học. Vườn thực vật được xây dựng từ năm 1984 khi trường Đại học Lâm nghiệp chuyển từ Quảng Ninh về Xuân Mai, Hà Nội. Với diện tích gần 100ha và là nơi sưu tập hơn 400 loài thực vật với 27 loài cây quý hiếm của Việt Nam và thế giới. Vườn thực vật còn là bảo tàng sống phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của Trường. Năm 2018 Bộ NN&PTNT có chủ trương thành lập vườn thực vật quốc gia trên cơ sở nâng cấp vườn thực vật trường Đại học Lâm Nghiệp.

### **3.2.2. Trung tâm Thực hành và thực nghiệm Nông lâm nghiệp thuộc Trường Cao đẳng nông lâm Đông Bắc**

Trung tâm Thực hành và thực nghiệm Nông lâm nghiệp có tổng diện tích đất tự nhiên khu vực là 853,759 ha, trong đó rừng tự nhiên là 409,69 ha, rừng trồng: 357,237 ha. Khu vực có khoảng 300 loài thực vật là cây gỗ thuộc 47 họ khác nhau, chủ yếu là những loài ưa sáng thuộc họ Dẻ, Ba mảnh vỏ, long não, Re... có hàng trăm loài cây bụi, thảm tươi và dây leo.

Rừng tự nhiên khu vực chủ yếu là rừng non phục hồi. Thành phần loài thực vật phong phú, với nhiều cây đặc trưng của địa phương. Các cây lấy gỗ quý hiếm như lim xanh, táu, sến mật, dẻ các loại...Nhiều loại dược liệu có giá trị như: Ba kích, sâm nam, nấm linh chi...mật độ tái sinh cao. Ngoài ra, dưới tán rừng tự nhiên, Nhà trường đã thực hiện mô hình nông lâm kết hợp (Trồng cây dược liệu: Ba kích, chè hoa vàng dưới tán rừng).

Rừng trồng có loài cây trồng chủ yếu là Thông mã vĩ và Thông nhựa, Keo tai tượng, bạch đàn và một số loài cây bản địa trồng dưới tán rừng trồng như lim xanh, lát hoa, xoan nhừ, táu ruối, dẻ... Cây bản địa được trồng chủ yếu là các loài: Dẻ, lim xanh, lát hoa, táu ...

VTV này chủ yếu phục vụ hoạt động giảng dạy trong Trường và để tiến hành nghiên cứu một số đề tài về thực vật và cây trồng lâm nghiệp. Hoạt động thăm quan, du lịch ở đây không tiến hành.

### **3.2.3. Vườn Tre Phú An, Bình Dương**

Vườn tre Phú An, Bình Dương được hình thành từ năm 1999 dựa trên ý tưởng khoa học của tiến sĩ Diệp thị Mỹ Hạnh (giảng viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Tp. HCM) với mục đích ban đầu là sưu tầm, bảo tồn tre và thực vật phục vụ cho nghiên cứu khoa học, hướng dẫn người dân địa phương trồng và chăm sóc tre đúng kỹ thuật với diện tích là 10.000 m. Đến nay vườn tre Phú An được mở rộng lên 10ha và là sưu tập, giới thiệu và bảo tồn 1.500 bụi thuộc 17 họ và gần 300 loài. Hiện nay vườn là địa điểm tham quan du lịch và giáo dục môi trường hấp dẫn du khách và học sinh, sinh viên.

## **3.3. CÁC VTV DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH, THÀNH QUẢN LÝ**

Được hình thành từ sự đầu tư của chính quyền cấp tỉnh thành, các VTV này nhìn chung không có diện tích lớn. Mục tiêu chủ yếu là sưu tầm để trưng bày. Các loài được lựa chọn có thể rất đa dạng từ nhiều vùng miền, nhưng thực tế những loài sống được là những loài của vùng sinh thái đặc trưng nơi có VTV. Số loài quý hiếm không cao do mục tiêu bảo tồn không phải là mục tiêu chính. Thiết kế của VTV hướng đến việc trưng bày nên mang tính chất cảnh quan, đường giao thông nội bộ bên trong VTV được làm tốt.

Năng lực và điều kiện kỹ thuật của cán bộ ở các VTV này nhìn chung khá tốt, do đều nằm ở các thành phố lớn, khu đông dân cư. Các VTV này có điều kiện tốt phát triển hoạt động tham quan du lịch. Đây là những trung tâm tốt cho việc giáo dục môi trường trên cơ sở tài nguyên thực vật. Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu và bảo tồn có phần hạn chế hơn, thông qua hợp tác với các đơn vị nghiên cứu ở địa phương.

### **3.3.1. Thảo cầm viên Sài Gòn (Vườn bách thảo Sài Gòn)**

Vườn bách thảo Sài Gòn được thành lập năm 1864. Đây là vườn thực vật đầu tiên được thành lập tại Việt Nam với diện tích 20ha và là nơi bảo tồn 260 loài cây gỗ, 23 loài lan, 33 loài xương rồng và nhiều loài hoa, cây cỏ. Bên cạnh các loài cây gỗ thì Thảo cầm viên còn là nơi sưu tập và bảo tồn nhiều loài động vật. Vườn bách thảo Sài Gòn là địa điểm thu hút khách du lịch khi đến thăm quan thành phố Hồ Chí Minh.

### **3.3.2 Vườn bách thảo Hà Nội**

Vườn bách thảo Hà Nội được thành lập năm 1890 với diện tích ban đầu là 33ha. Tuy nhiên hiện nay diện tích khu vườn còn khoảng 10 ha. Vườn không chỉ sưu tập các loài cây có nguồn gốc tại Việt Nam, vườn bách thảo Hà Nội còn có nhiều loài cây có nguồn gốc từ nước ngoài và hiện tại vẫn phát triển khá tốt. Vườn bách thảo Hà Nội vừa là địa điểm tham quan của du khách khi đến Hà Nội, vừa là địa điểm dã ngoại lý tưởng của người dân thủ đô.

### 3.3.3. Vườn thực vật Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Vườn thực vật Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh được thành lập năm 1998 trên cơ sở chuyển đổi một phần đất rừng phòng hộ Củ Chi. Tổng diện tích hiện tại của vườn thực vật Củ Chi là 40,01 ha được chia thành các phân khu sưu tập sau:

STT	PHÂN KHU	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	SỐ CÂY ĐÃ TRỒNG	SỐ LOÀI
1	Phân khu trồng cây Quý hiếm	33.720	832	28
2	Phân khu trồng cây Đặc hữu	32.394	504	26
3	Phân khu trồng cây Họ Sao dầu	41.277	1.053	42
4	Phân khu trồng cây phổ biến Họ - Bộ	89.885	3.393	538
5	Phân khu trồng cây Họ Cau dừa	22.383	393	14
6	Phân khu trồng cây Họ phụ Tre trúc	28.673	440	22
7	Phân khu trồng cây cảnh quan	32.573	417	8
8	Phân khu trồng cây Mọng nước	13.174	494	28
9	Phân khu trồng cây Họ Tuế	3.056	92	7
10	Phân khu Phong lan	2.034	1.441	37
11	Cây trồng ven đường và khu vực vòng tròn	2.959	880	17
12	Cây trồng hàng rào	13.555	1.472	21
13	Khu vực vườn ươm	5.600		
14	Diện tích văn phòng, đường đi và các khu vực không trồng cây sưu tập.	78.826		
Tổng cộng		400.109	11.411	788

Tính đến nay tổng số cây trồng sưu tập là 11.411 cây bao gồm 788 loài trong đó có 26 loài đặc hữu và 28 loài quý hiếm của Việt Nam như: Đinh, Trai, Tùng ngắn, Thông đỏ, Pơ mu, Hôi, Gụ lau, Sưa, Lim xanh...

Vườn thực vật Củ Chi hiện tại trực thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Vườn thực vật Củ Chi bước đầu đã được đầu tư sưu tập tập đoàn cây khá đa dạng và phong phú. Tuy nhiên các công trình liên quan chưa đồng bộ và hiện tại mới làm công tác sưu tập và bảo vệ là chính mà chưa có nhiều hoạt động liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái và giáo dục môi trường.

### 3.4. CÁC VTV CỦA DOANH NGHIỆP

Các VTV của doanh nghiệp thường được thiết lập với mục tiêu kinh tế. Diện tích VTV có thể ở mức trung bình đến lớn, tùy theo doanh nghiệp. Các loài thực vật thường được thu thập theo một nhóm loài nhất định, theo định hướng của doanh nghiệp. VTV có bài trí, tạo cảnh quan phục vụ du khách. Mục tiêu bảo tồn đặt thấp hơn. Số lượng các loài ngoại nhập, ngoại vùng cao.

Nhìn chung trình độ chuyên môn của cán bộ VTV này thường là không chuyên về nghiên cứu mà là những người làm lâm sinh hay gây trồng. Hoạt động nghiên cứu hầu như không có. Thay vào đó các VTV của doanh nghiệp có thể mạnh trong việc xã hội hóa nguồn đầu tư cho việc bảo tồn thực vật, có tiếp xúc tốt với công chúng, đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển tài nguyên thực vật ở địa phương.

#### 3.4.1. Vườn thực vật Hà Nội

Vườn thực vật Hà Nội được xây dựng theo Quyết định số 1885/QĐ-UB ngày 15 tháng 12 năm 1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và hoàn thành năm 2009. Vườn có diện tích 20ha thuộc Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vườn thực vật Hà Nội được xây dựng mới với mục tiêu nhằm sưu tầm, bảo quản các loại thực vật quý hiếm, tạo cảnh quan, môi trường sinh thái phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học, giáo dục, du lịch, vui chơi giải trí của nhân dân. Hiện tại vườn có 304 loài thực vật, trong đó có nhiều loài quý hiếm như Sưa, Lim xanh, Chò chỉ, Kim giao, Thông tre.v.v. Vườn thực vật Hà Nội hiện do công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội quản lý. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo và du lịch hầu như chưa được triển khai tại vườn thực vật Hà Nội.

### 3.5. CÁC VTV CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG, TỔ CHỨC XÃ HỘI

Các VTV của cá nhân hay các hội nhóm tự nguyện thường được thiết lập bởi những nguồn lực hạn chế nên diện tích thường nhỏ. Các loài thực vật thường được thu thập theo một nhóm loài nhất định, theo sở thích của chủ vườn. Mục đích chủ yếu là từ mối quan tâm của cá nhân. Mục tiêu bảo tồn đặt thấp hơn. Số lượng các loài ngoại nhập, ngoại vùng cao. Vấn đề gây trồng, nhân giống rất được chú trọng.

Do đó trình độ chuyên môn của cán bộ VTV này thường là không cao, không chuyên, nhưng lại có thể rất sâu trong một số lĩnh vực và loài cây. Hoạt động nghiên cứu hầu như không có. Các VTV cá nhân có thể mạnh trong việc xã hội hóa nguồn đầu tư cho việc bảo tồn thực vật, có tiếp xúc tốt với công chúng, đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển tài nguyên thực vật ở địa phương. Nhưng thường các VTV cá nhân gặp vấn đề lớn về thiếu hụt nguồn tài chính và năng lực quản lý

### 3.5.1. Khu bảo tồn lan rừng vườn Troh Bu- Buôn Đôn

Khu vườn Trobur nằm ở địa phận buôn Niêng 3 xã Ea Nuôl huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk. Là một khu vườn thực vật tự nhiên khu vườn này được xây dựng trên cơ sở của một khu rừng từng bị phá và bỏ hoang. Sau 22 năm xây dựng, hiện tại vườn đã được bổ sung thêm nhiều loại cây gỗ quý. Nhìn chung thì đến nay hệ sinh thái rừng ở đây hoàn toàn đã được khôi phục với đầy đủ đa dạng sinh học của một khu rừng mưa nhiệt đới.

Với diện tích 05 ha, Troh Bu hiện nay đang bảo tồn tự nhiên và bán hoang dã trên 10.000 giò lan rừng các loại (200 loài, trong đó có những loài Lan quý hiếm) cùng bộ sưu tập hoa và cây rừng khoảng 1.000 loài (vườn Muôn hoa). Hoa lan và các loài cây cảnh này đã góp phần làm Troh Bu trở nên một rừng cảnh đúng nghĩa. Ngoài ra vườn Troh Bu còn là nơi nuôi giữ, bảo tồn một số loài thú hoang dã như: chim công, trĩ, thỏ, rùa, sóc bay, heo rừng và giống gà đồng bào Ê đê bản địa.

Hiện nay, khu bảo tồn lan Troh Bu đã tổ chức hợp tác kinh doanh du lịch sinh thái và được đánh giá là một trong những điểm đến hấp dẫn của du lịch sinh thái tỉnh Đắk Lắk.

Bên cạnh bộ sưu tập thực vật và lan rừng, nơi đây còn lưu giữ các hiện vật văn hóa vô cùng giá trị đó là chiếc thuyền độc mộc lớn (dài 9m, rộng hơn 1,7m) và bộ chiêng đá cổ xưa 23 thanh. Cuối tháng 5 năm 2017, Tổ chức Kỷ lục Việt Nam (VietKings) cũng đã xác lập và trao Giấy chứng nhận Kỷ lục Việt Nam cho cả hai hiện vật này cùng với danh hiệu Bộ sưu tập bảo tồn lan rừng tự nhiên lớn nhất.

### 3.6. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP VỀ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ CÁC LOẠI HÌNH VTV VIỆT NAM

Bảng sau tổng hợp những đánh giá cho 5 loại hình quản lý của VTV hiện tại ở Việt Nam theo các đặc điểm (tiêu chí) khác nhau.

Đặc điểm	Loại hình quản lý				
	<i>VQG, khu BTTN</i>	<i>Trường, Viện</i>	<i>Chính quyền tỉnh thành</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	<i>Cá nhân</i>
Mục tiêu ưu tiên	Bảo tồn, Nghiên cứu, Trưng bày	Giảng dạy, Nghiên cứu, Bảo tồn	Trưng bày, Giảng dạy, Bảo tồn	Kinh doanh, Trưng bày	Trưng bày, Kinh doanh
Loại đất	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ, rừng sản xuất	Đất nông nghiệp, Rừng phòng hộ	Đất nông nghiệp, Rừng sản xuất	Đất nông nghiệp

<b>Đặc điểm</b>	<b>Loại hình quản lý</b>				
	<b><i>VQG, khu BTTN</i></b>	<b><i>Trường, Viện</i></b>	<b><i>Chính quyền tỉnh thành</i></b>	<b><i>Doanh nghiệp</i></b>	<b><i>Cá nhân</i></b>
Quy mô	Thường Lớn (>50ha)	Trung bình (20-50 ha) đến Lớn (>50 ha)	Nhỏ (<20ha) hoặc Trung bình (20-50 ha)	Trung bình (20-50 ha) đến Lớn (>50 ha)	Nhỏ (<20ha)
Nguồn gốc loài được sưu tập	Đặc trưng cho vùng sinh thái	Cây bản địa các vùng sinh thái	Cây bản địa của vùng sinh thái và nhập nội	Cây bản địa và cây nhập nội.	Cây bản địa và cây nhập nội.
Mức độ đa dạng	Trung bình (300 - 500 loài) đến Cao (>500 loài)	Trung bình (300 - 500 loài)	Trung bình (300 - 500 loài)	Trung bình (300 - 500 loài). Theo nhóm loài	Thấp (<300 loài) Theo nhóm loài
Mức độ quý hiếm về bảo tồn	Trung bình (25-50 loài) đến Cao (>50 loài)	Trung bình (25-50 loài)	Trung bình (25-50 loài)	Thấp đối với cây bản địa (<25 loài). Có thể ở mức Trung bình hoặc Cao đối với cây nhập nội.	Thấp đối với cây bản địa (<25 loài). Có thể ở mức Trung bình với cây nhập nội.
Hồ sơ tài liệu hóa	Trung bình – Tốt. Thường có hồ sơ nguồn gốc giống, bảng nhãn tên loài, bản đồ thiết kế và vị trí các loài.	Trung bình – Tốt. Thường có hồ sơ nguồn gốc giống, bảng nhãn tên loài, bản đồ thiết kế và vị trí các loài. Có thể có chương trình quản lý dữ liệu hồ sơ thực vật	Trung bình. Thường không có hồ sơ nguồn gốc, nhưng có bản đồ thiết kế, bảng tên.	Yếu. Thông tin về nguồn gốc không thể xác định được.	Yếu. Thông tin về nguồn gốc không thể xác định được.



<b>Đặc điểm</b>	<b>Loại hình quản lý</b>				
	<b><i>VQG, khu BTTN</i></b>	<b><i>Trường, Viện</i></b>	<b><i>Chính quyền tỉnh thành</i></b>	<b><i>Doanh nghiệp</i></b>	<b><i>Cá nhân</i></b>
Vị trí	Thường ở xa khu đô thị.	Thường ở gần khu đô thị.	Thường ở trong các khu đô thị	Thường ở trong các khu đô thị hoặc gần đô thị	Thường ở các khu đô thị hoặc gần đô thị
Hình thức gây trồng	Trồng trên đất rừng tự nhiên. Đường nội bộ chính có trục chính. Không thiết kế theo cảnh quan.	Trồng trên đất rừng hoặc đất vườn. Đường nội bộ chính có trục chính. Không thiết kế theo cảnh quan.	Trồng trên đất nông nghiệp hoặc rừng phòng hộ, có tạo cảnh quan, đường giao thông nội bộ tốt.	Trồng trên đất nông nghiệp hoặc đất rừng, có tạo cảnh quan, đường giao thông nội bộ tốt.	Trồng trên đất nông nghiệp hoặc đất rừng, có thể có tạo cảnh quan.
Công trình phụ trợ	Thường có khu nhà lưới và vườn ươm.	Thường có khu nhà lưới và vườn ươm.	Ngoài nhà lưới, vườn ươm, thường có thêm nhà kính hoặc khu trồng có mái che.	Nhà lưới, nhà kính dùng cho những cây di thực hay nhập nội. Vườn ươm dùng cho sản xuất giống.	Nhà lưới, khu trồng có che. Vườn ươm nhỏ.
Nghiên cứu khoa học	Thường có phòng tiêu bản và các đề tài nghiên cứu	Có phòng tiêu bản và tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu	Hoạt động nghiên cứu rất ít, chủ yếu qua hợp tác với đơn vị bên ngoài.	Không	Không
Giáo dục môi trường	Có các chương trình giáo dục môi trường	Có các chương trình giáo dục môi trường, đào tạo nghề.	Có hoạt động về giáo dục môi trường	Không	Không
Hợp tác, công tác công chúng	Trung bình – Thấp	Trung bình – Thấp	Trung bình	Trung bình - Cao	Cao

<b>Đặc điểm</b>	<b>Loại hình quản lý</b>				
	<i>VQG, khu BTTN</i>	<i>Trường, Viện</i>	<i>Chính quyền tỉnh thành</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	<i>Cá nhân</i>
Du lịch, kinh doanh	Trung bình - Cao	Thấp	Cao – Trung bình	Cao	Cao

## CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN VƯỜN THỰC VẬT QUỐC GIA

### 4.1. QUAN ĐIỂM VỀ CÁC LOẠI VƯỜN THỰC VẬT QUỐC GIA

Phân hạng VTV QG được xếp vào trong loại rừng đặc dụng theo Luật Lâm nghiệp 2017. Để cụ thể hóa phân hạng VTV QG hiện tại đang tồn tại 2 hướng quy định. Một hướng là xây dựng các khu VTV mang tính chất tiêu biểu chung cho cả nước, do nhà nước đầu tư và quản lý. Hướng khác là sử dụng phân hạng VTV QG trong Luật Lâm nghiệp để công nhận những khu rừng, các bộ sưu tầm thực vật đạt tiêu chuẩn hiện có của những đơn vị khác nhau, gồm cả các tổ chức ngoài nhà nước và các cá nhân. Cách làm này tương tự như quy định cho phân hạng rừng giống quốc gia, bất kỳ khu rừng giống nào đạt tiêu chuẩn quốc gia đều có thể được công nhận là rừng giống quốc gia.

Đặc điểm của các loài thực vật gắn liền với điều kiện sinh thái tự nhiên của mỗi khu vực, các loài cây gỗ rừng lại chưa thể được gây trồng trong điều kiện nhà lưới nhà kính, mà hiện đang được các VTV duy trì ở điều kiện tự nhiên. Vì thế, không thể chỉ có 1 VTV cây gỗ đủ để đại diện cho tất cả các vùng sinh thái ở Việt Nam. Việc phát triển hệ thống các VTV ở từng vùng là việc cần thiết và phù hợp với điều kiện tự nhiên.

Cùng với đó, để thực hành triển khai phương hướng về xã hội hóa nguồn đầu tư cho bảo tồn đa dạng sinh học, rất cần thiết phải tạo cơ sở pháp lý cho việc công nhận những VTV tư nhân có giá trị đã có và khuyến khích phát triển loại hình VTV trong cộng đồng. Từ đó hình thành mạng lưới các VTV QG trong cả nước.

Trên quan điểm đó, báo cáo đề xuất sử dụng phân hạng VTV QG để áp dụng cho công nhận những khu rừng đủ tiêu chuẩn, có giá trị cao về sưu tầm thực vật và bảo tồn. Tiêu chuẩn xác lập VTV QG do đó sẽ đặt hướng vào mức độ đánh giá trên Trung bình ở mỗi tiêu chí. Nghiên cứu này cũng đề xuất chuyển tên gọi loại rừng thành “Vườn sưu tầm thực vật” cho đúng với bản chất của loại rừng và phân biệt với Vườn thực vật nói chung.

Việc xây dựng các khu VTV mang tính chất tiêu biểu của quốc gia với đầy đủ các chức năng và đơn vị quản lý thì có thể căn cứ theo tiêu chuẩn ở mức Cao khi đánh giá. Nghiên cứu chính sách cho loại VTV QG như một cơ quan chức năng riêng biệt không nằm trong mục tiêu của báo cáo này.

### 4.2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VƯỜN THỰC VẬT QUỐC GIA

#### 4.2.1. Tiêu chí loại rừng Vườn sưu tầm thực vật quốc gia

Vấn đề đánh giá vườn thực vật đầu tiên cần tập trung vào các chức năng chính của vườn là lưu giữ bộ sưu tầm thực vật sống phục vụ các mục đích khác nhau. Từ đó xác định các tiêu chí cơ bản khi thành lập hay công nhận một khu vườn là VTV QG. Ở đây đề xuất chuyển tên gọi loại hình rừng này là Vườn sưu tầm thực vật quốc gia (viết tắt VSTTV QG)

Trước hết do VSTTV QG là một phân hạng của đất lâm nghiệp nên nó cần tuân thủ định nghĩa về rừng trong Luật Lâm nghiệp 2017:

*Rừng là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre nứa, cây họ Cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác, diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên.*

Theo đó, một số VTV chỉ gồm cây bụi, cây thân thảo, trồng trên đất nông nghiệp không có tàn che sẽ không được đánh giá công nhận là loại rừng VSTTV QG.

Các tiêu chí chính cho rừng VSTTV QG được đề xuất như sau.

**Quy mô:** Không hạn chế về quy mô diện tích của loại rừng được công nhận là VSTTV QG, miễn là đạt được yêu cầu định nghĩa là rừng (diện tích trên 0,3 ha). Tuy nhiên, diện tích rừng cần phải liền khu liền khoảnh, hay nằm trong cùng một tiểu khu rừng.

**Mức độ đa dạng:** Tổng số loài thực vật trong khu rừng ít nhất là 300 loài. Trong đó ít nhất có 70% số loài là các loài cây được sưu tầm và trồng (không phải cây mọc tự nhiên). Đề xuất số loài này thấp hơn theo Nghị định 156, quy định tới 500 loài cây gỗ, là con số quá cao so với thực tế của các khu rừng trồng sưu tầm hiện có ở Việt Nam. Đề xuất này không yêu cầu phải là các loài cây gỗ, vì khả năng có những bộ sưu tầm thực vật có giá trị dành riêng cho các nhóm loài khác (ví dụ như Tre trúc, Cau dừa, Thiên tuế, Phong lan) không phải cây gỗ.

**Giá trị bảo tồn:** Số loài thực vật nguy cấp quý hiếm và đặc hữu ít nhất là 25 loài. Các loài bản địa quý hiếm nguy cấp được đánh giá theo Sách đỏ Việt Nam (2007 hoặc bản cập nhật nhất khi đánh giá) từ cấp độ Sẽ nguy cấp (VU) trở lên và theo danh mục của Nghị định 06/2019. Loài đặc hữu được xác định là ở mức quốc gia (đặc hữu trong phạm vi Việt Nam). Đối với những loài nhập nội đánh giá theo Danh lục đỏ của IUCN cập nhật từ cấp độ Sẽ nguy cấp trở lên (VU).

#### **4.2.2. Tiêu chí cho Vườn thực vật quốc gia**

Vì VTV QG như một cơ quan chức năng không phải đối tượng nghiên cứu chính sách trong báo cáo này nên dưới đây chỉ đề xuất một số lĩnh vực tiêu chí liên quan đến đánh giá VTV QG mà đã có phân tích trong phần tổng quan về các vườn thực vật ở Việt Nam (mục 0) và từ những kinh nghiệm quản lý hoạt động các vườn thực vật trên thế giới (mục 0).

Một khu vực VTV QG trước hết phải đáp ứng các tiêu chí của một khu rừng VSTTV QG ở trên. Thêm vào đó, những tiêu chí sau có thể dùng để đánh giá bổ sung khi xây dựng VTV QG:

**Quy mô:** Diện tích tối thiểu 50 ha cho toàn bộ khu vực (theo như quy định của Luật Lâm nghiệp 2017).

**Hồ sơ nguồn gốc:** Có hồ sơ thông tin cho phép xác định được nguồn gốc của những cây được thống kê trong gây trồng lưu giữ của VTV. Đây là yêu cầu tối thiểu đối với việc quản lý dữ liệu cho VTV QG.

#### **Nghiên cứu và giáo dục**

- Có cán bộ có bằng Thạc sĩ trở lên chuyên môn về sinh học, nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc môi trường.

- Có phòng lưu trữ tiêu bản thực vật.

- Có chương trình được soạn cho các hoạt động giáo dục môi trường.

- Có thực hiện các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở hoặc nhà nước.

- Có hợp tác nghiên cứu và giáo dục môi trường với các đơn vị chuyên môn.

#### **Du lịch và quan hệ công chúng**

- Khoảng cách giữa vườn thực vật quốc gia tới trung tâm đô thị lớn không quá 50km và thuận lợi về giao thông.

- Có Hướng dẫn thuyết trình được soạn.

- Có tham gia vào các hội nhóm về thực vật ở địa phương.

### **4.3. GÓP Ý VỀ QUY ĐỊNH VÀ QUẢN LÝ VƯỜN SƯU TẦM THỰC VẬT QUỐC GIA**

Trình tự công nhận một khu rừng là VSTTV quốc gia tuân theo Nghị định 156/2018 của Thủ tướng chính phủ quy định cho các loài rừng đặc dụng (Điều 9) và đáp ứng những tiêu chí cụ thể nêu trên. Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp phê duyệt và quyết định công nhận những loại rừng thuộc hệ thống rừng đặc dụng.

Việc quản lý VSTTV quốc gia tuân theo Nghị định 156/2018 của Thủ tướng chính phủ quy định cho các loài rừng đặc dụng, bao gồm trách nhiệm quản lý thuộc về chủ rừng và UBND cấp tỉnh, việc bảo vệ rừng, khai thác lâm sản cũng đã có quy định trong Nghị định ở Điều 11 và 12.

Khó khăn lớn là loại hình VTV đòi hỏi có những kỹ thuật lâm sinh và hệ thống cơ sở vật chất đặc thù, yêu cầu cao hơn hẳn so với trồng rừng thông thường. Trong khi ở các đơn vị nhà nước, đơn giá định mức quản lý cho VTV lại đang áp dụng theo định mức chung cho rừng trồng. Điều này là một bất cập lớn đối với việc duy trì và phát triển các VTV. Cần xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho đầu tư, vận hành và quản lý VTV QG.

Đối với VTV xây dựng trong các VQG và khu BTTN thì bản thân các diện tích đất này đã được quy hoạch là rừng đặc dụng nên việc công nhận các VTV này là VSTTV QG không đem lại nhiều ý nghĩa. Vấn đề thường gặp chính là do nằm trong phân loại

rừng đặc dụng nên các VTV này không thể tiến hành những biện pháp can thiệp kỹ thuật lâm sinh cần thiết như tỉa cành, tỉa thưa, phát dọn thực bì để trồng mới, xây dựng các khu cảnh quan, công trình phụ trợ... do quy chế bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng.

Đề xuất nên tách loại hình VTV QG ra khỏi phân loại khu bảo tồn và có quy chế quản lý áp dụng riêng, cho phép linh hoạt đối với các tác động lâm sinh trong VTV.

Cần thiết phải làm rõ loại hình rừng này, đề xuất gọi là *Vườn sưu tầm thực vật quốc gia*, thay cho gọi VTV QG để tránh nhầm lẫn với một tổ chức VTV QG riêng biệt, cũng như cho phù hợp với tính chất của các khu rừng này.

Đối với các VTV trực thuộc các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy hay thuộc chính quyền địa phương thì việc xác định là VSTTV QG nằm trong hệ thống rừng đặc dụng là cần thiết, nhất là để tăng cường mục tiêu bảo tồn cho các khu vườn này. Ngoài ra, đây cũng là biện pháp để cho các VTV này trở nên “mở cửa” hơn đối với du khách và công chúng.

Nhằm khuyến khích và mở rộng đóng góp của các doanh nghiệp, tư nhân vào bảo tồn nguồn gen thực vật, cần áp dụng tiêu chí Trung bình và quy trình công nhận phân cấp địa phương cho việc công nhận các VTV này. Đồng thời qua đó cũng tăng thêm mục tiêu bảo tồn đối với các VTV tư nhân và tạo điều kiện tốt hơn cho hoạt động du lịch và kinh doanh ở VTV.

Với tiêu chí đề xuất như trên thì những diện tích rừng có thể được công nhận là Vườn sưu tầm thực vật quốc gia như một loại rừng đặc dụng sẽ có khá nhiều, là một nguồn để có thể góp phần tăng thêm diện tích hệ thống rừng đặc dụng cả nước. Vì thế Bộ NN&PTNT cần có chương trình thống kê, công nhận những khu Vườn sưu tầm thực vật đủ tiêu chuẩn cấp quốc gia trong phạm vi quản lý của nhà nước cũng như tư nhân. Đồng thời cũng cần có những hỗ trợ về quản lý và tài chính cho những khu rừng này như theo quy định đối với rừng đặc dụng.

#### 4.4. GÓP Ý ĐỐI VỚI XÂY DỰNG HỆ THỐNG VƯỜN THỰC VẬT

Cần có quy hoạch và chiến lược xây dựng mạng lưới vườn thực vật. Quy hoạch này lồng ghép vào quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam. Trong đó nhà nước ưu tiên xây dựng các vườn thực vật quốc gia tiêu biểu (theo tiêu chí cao của Nghị định 156/2018/NĐ-CP; Quyết định số 1671/QĐ- TTg). Đồng thời cũng mở rộng mạng lưới sang đối tượng các khu VTV tư nhân đủ tiêu chuẩn và có giá trị bảo tồn cao.

Tình trạng lưu trữ và ghi chép hồ sơ cho các mẫu vật, các loài thực vật được sưu tầm trong các VTV là còn rất yếu, thường là không đủ thông tin để truy xuất nguồn gốc cây trồng. Quy định về VTV QG cần đặt cao tiêu chí này để các VTV có hành động cải thiện, xây dựng hệ thống hồ sơ và quản lý dữ liệu.

Các VTV QG là nơi lưu giữ tài nguyên thực vật sống trong điều kiện gây trồng, rất thuận tiện cho các mục đích nghiên cứu khoa học từ công tác định loại, nhân giống,

theo dõi sinh thái, kỹ thuật gây trồng, khảo nghiệm loài, dẫn giống, lai tạo giống ... Các VTV QG cần có định hướng và tiến hành mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị chuyên môn, phát huy hết tiềm năng này đối với các nghiên cứu về thực vật và lâm sinh.

Các VTV QG cũng là nguồn thực liệu trưng bày phục vụ các chương trình giáo dục môi trường và truyền thông tới công chúng. Phát triển VTV QG thành mô hình cho lối sống xanh là một hướng đi mới từ kinh nghiệm quốc tế. Xây dựng các chương trình giáo dục môi trường, hướng dẫn thuyết minh, hệ thống biển báo sơ đồ trong vườn và mở rộng hợp tác với các tổ chức, trường học ở địa phương là một số việc mà các VTV QG cần đưa vào trong kế hoạch hoạt động của mình.

Tăng cường năng lực cho các cán bộ kỹ thuật và quản lý các VTV QG là nhu cầu hết sức cấp thiết đối với loại rừng này, do hầu hết các cán bộ đều là kiêm nhiệm, hoặc là các cán bộ kiểm lâm, bảo vệ rừng, không có kinh nghiệm chuyên môn sâu và rộng về vườn thực vật. Việc hình thành mạng lưới VTV QG để qua đó chia sẻ thông tin, kiến thức, hoặc tổ chức các lớp đào tạo về quản lý VTV, cũng như tạo điều kiện cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu trong nước và với quốc tế.

## PHỤ LỤC

### **Phụ lục 1. Đề xuất Quy trình thành lập vườn thực vật quốc gia**

Thành lập vườn thực vật quốc gia được hiểu theo đề xuất này là thành lập mới hoặc nâng cấp từ các loại rừng khác thành vườn thực vật quốc gia.

#### **1. Nguyên tắc thành lập vườn thực vật quốc gia**

- a) Có dự án thành lập vườn thực vật quốc gia phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch lâm nghiệp địa phương.
- b) Đáp ứng tiêu chí đối với vườn thực vật quốc gia theo quy định tại Điều 6 của Nghị định 156/2018/NĐ – CP ngày ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp.
- c) Đáp ứng tiêu chí đối với vườn thực vật quốc gia theo đề xuất này.

#### **2. Nội dung của đề án thành lập vườn thực vật quốc gia**

- a) Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng rừng, các hệ sinh thái; các giá trị về đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật; giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; khoa học, thực nghiệm, giáo dục môi trường và cung ứng dịch vụ môi trường rừng;
- b) Đánh giá về hiện trạng quản lý, sử dụng rừng, đất đai, mặt nước vùng dự án;
- c) Đánh giá về hiện trạng dân sinh, kinh tế - xã hội;
- d) Xác định các mục tiêu thành lập vườn thực vật quốc gia đáp ứng tiêu chí vườn thực vật quốc gia theo đề xuất này;
- đ) Xác định phạm vi ranh giới, diện tích vườn thực vật quốc gia, các phân khu trên bản đồ;
- e) Các chương trình hoạt động gắn với mục tiêu và nhiệm vụ vườn thực vật quốc gia, giải pháp thực hiện, tổ chức quản lý vườn thực vật quốc gia;
- g) Xác định khái toán vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư, hiệu quả đầu tư xây dựng vườn thực vật quốc gia;
- h) Xác định kinh phí thường xuyên cho các hoạt động gắn với mục tiêu và nhiệm vụ vườn thực vật quốc gia (bảo vệ, sưu tập bảo tồn đa dạng sinh học thực vật, đào tạo, nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái, giáo dục môi trường v.v.)

#### **3. Hồ sơ thành lập vườn thực vật quốc gia bao gồm**

- a) Tờ trình thành lập vườn thực vật quốc gia (bản chính);
- b) Dự án thành lập vườn thực vật quốc gia (bản chính);
- c) Bản đồ hiện trạng khu rừng hoặc khu đất được đề xuất thành lập vườn thực vật quốc gia (bản chính) tỷ lệ 1/5.000 theo hệ quy chiếu VN2000;



d) Tổng hợp ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về đề án thành lập vườn thực vật quốc gia;

đ) Kết quả thẩm định của cơ quan chức năng về đề án thành lập vườn thực vật quốc gia;

#### **4. Trình tự thành lập vườn thực vật quốc gia**

Tổng cục Lâm nghiệp chủ trì, tổ chức xây dựng dự án, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quyết định thành lập vườn thực vật quốc gia, theo trình tự sau đây:

a) Tổ chức xây dựng dự án thành lập vườn thực vật quốc gia theo quy định tại quy định này.

b) Lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân liên quan. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi về Tổng cục Lâm nghiệp;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, Tổng cục Lâm nghiệp hoàn thành thẩm định hồ sơ dự án thành lập vườn thực vật quốc gia;

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn xem xét quyết định thành lập vườn thực vật quốc gia.

**Ghi chú:** Trong trường hợp các tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý các khu rừng đặc dụng; các doanh nghiệp, cá nhân sở hữu các khu rừng đáp ứng các tiêu chí của vườn thực vật quốc gia thì có thể lập hồ sơ đề nghị công nhận vườn thực vật quốc gia. Trình tự và hồ sơ công nhận vườn thực vật quốc gia như trình tự thành lập vườn thực vật quốc gia.

## **Phụ lục 2. Đề xuất chính sách Quản lý vườn thực vật quốc gia**

### **1. Trách nhiệm quản lý vườn thực vật quốc gia**

- a) Tổng cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước đối với vườn thực vật quốc gia trong phạm vi cả nước;
- b) Các đơn vị được Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn giao nhiệm vụ quản lý các vườn thực vật quốc gia chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện quản lý đối với vườn thực vật quốc gia được Bộ trưởng giao nhiệm vụ. Các đơn vị được giao nhiệm vụ Quản lý vườn thực vật quốc gia thành lập Ban quản lý quản lý và vận hành vườn thực vật quốc gia theo quy định.

### **2. Bảo vệ vườn thực vật quốc gia**

- a) Không tiến hành các hoạt động sau đây trong vườn quốc gia: các hoạt động làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của vườn thực vật quốc gia; khai thác trái phép tài nguyên sinh vật và các tài nguyên thiên nhiên khác; gây ô nhiễm môi trường; mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy trái quy định của pháp luật vào rừng; chăn thả gia súc, gia cầm trong vườn thực vật quốc gia.
- b) Việc bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Lâm nghiệp; quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- c. Thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng quy định tại Chương IV của Nghị định 156/2018 ND-CP quy định chi tiết thi hành một số điều luật Lâm nghiệp.
- d. Thực hiện các quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại rừng theo quy định tại Điều 40 của Luật Lâm nghiệp.

### **3. Khai thác lâm sản trong vườn thực vật quốc gia**

Đối tượng khai thác: Được khai thác vật liệu giống; Được khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nấm trong quá trình thực hiện điều chỉnh tổ thành rừng, nuôi dưỡng rừng và áp dụng biện pháp lâm sinh khác; khai thác tận thu gỗ, củi, thực vật rừng, nấm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khai thác tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ.

Điều kiện: có dự án lâm sinh đối với trường hợp khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 của Luật Lâm nghiệp; phương án khai thác tận thu gỗ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 của Luật Lâm nghiệp; quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với đối

tượng khai thác tận dụng trong phạm vi giải phóng mặt bằng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 52 của Luật Lâm nghiệp.

#### **4. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong vườn thực vật quốc gia**

1. Cán bộ thuộc vườn thực vật quốc gia tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học thì thực hiện theo đề tài, dự án, kế hoạch đã được duyệt.

2. Đối với các tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo, nhà khoa học, học sinh, sinh viên thực hiện việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

- a) Có kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập tại vườn thực vật quốc gia;
- b) Các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, thu thập mẫu vật, nguồn gen, vận chuyển, lưu giữ, công bố mẫu vật, nguồn gen thực hiện theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý và sự hướng dẫn, giám sát của vườn thực vật quốc gia
- c) Thông báo cho cơ quan quản lý vườn thực vật quốc gia về kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập; tài liệu công bố trong nước hoặc quốc tế (nếu có).

#### **5. Cơ chế tài chính đầu tư và phát triển vườn thực vật quốc gia.**

##### *5.1. Nguyên tắc chung*

Nhà nước đầu tư xây dựng và quản lý vườn thực vật quốc gia thuộc sở hữu và quản lý của Nhà nước;

Các tổ chức, tập đoàn, cá nhân đầu tư xây dựng và quản lý vườn thực vật quốc gia do tổ chức, tập đoàn, cá nhân sở hữu.

##### *5.2. Chính sách đầu tư*

Nhà nước đầu tư ngân sách cho các hoạt động sau của vườn thực vật quốc gia thuộc sở hữu Nhà nước.

- a) Xây dựng vườn thực vật quốc gia theo đề án được phê duyệt;
- b) Hoạt động quản lý của các ban quản lý vườn thực vật quốc gia;
- c) Hoạt động chăm sóc, bảo vệ vườn thực vật quốc gia;
- d) Hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, hợp tác và phát triển nguồn nhân lực;
- e) Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học, các hoạt động quảng bá, tuyên truyền và giới thiệu vườn thực vật quốc gia;
- f) Hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng trừ sâu bệnh hại rừng.
- g) Mua sắm trang thiết bị giám sát, bảo tồn và phát triển các loài thực vật quý hiếm, các loài có giá trị kinh tế cao tại vườn thực vật quốc gia;

h) Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ cho bảo vệ và phát triển vườn thực vật quốc gia;

5.3. *Nguồn kinh phí*: Kinh phí đầu tư cho xây dựng, quản lý và vận hành vườn thực vật quốc gia từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn vốn ODA, các chương trình, dự án hợp tác trong và ngoài nước;

c) Các tập đoàn, doanh nghiệp và cá nhân;

d) Các hoạt động du lịch và dịch vụ của vườn thực vật quốc gia.

### **Phụ lục 3. Bộ câu hỏi nghiên cứu**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG**

Họ và tên cán bộ cung cấp thông tin:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

#### **II. THÔNG TIN VỀ VƯỜN THỰC VẬT**

Câu 1. Vườn thực vật nơi anh/chị công tác được thành lập khi nào?

Câu 2. Cơ quan quản lý trực tiếp vườn thực vật?

Câu 3. Diện tích vườn thực vật?

Câu 4. Các phân khu chức năng vườn thực vật?

Câu 5. Tổng số loài hiện có tại vườn thực vật? Số cây mỗi loài?

Câu 6. Tổng số loài quý hiếm?

Câu 7. Tổng số cán bộ đang làm việc tại vườn thực vật?

Câu 8. Tài chính cho việc xây dựng, vận hành và quản lý vườn thực vật? Cơ chế tài chính cho vườn thực vật?

Câu 9. Những thuận lợi và khó khăn trong xây dựng, vận hành và quản lý vườn thực vật?

Câu 10. Theo anh chị để xây dựng vườn thực vật quốc gia cần có những tiêu chí gì? (Diện tích, số loài, cơ sở hạ tầng, quản lý, đào tạo, nghiên cứu, hợp tác.....)

Câu 11. Theo anh chị vườn thực vật nên được quản lý thế nào cho hiệu quả nhất?

Câu 12. Anh chị có kiến nghị gì về chính sách trong việc xây dựng và quản lý vườn thực vật?

#### **Phụ lục 4. Nội dung thảo luận chuyên môn tại cuộc Họp kỹ thuật “Đề xuất chính sách quản lý vườn thực vật quốc gia”**

Đây là kết quả của Cuộc họp kỹ thuật “*Đề xuất chính sách quản lý vườn thực vật quốc gia*” do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) tổ chức ngày 23 tháng 10 năm 2020 tại Hà Nội, với sự tham gia của các nhà khoa học và một số nhà quản lý có kinh nghiệm liên quan tới vườn thực vật quốc gia.

#### **1. Báo cáo nghiên cứu quy định và hướng dẫn quản lý Vườn thực vật quốc gia. Ông Hoàng Văn Sâm, Đại học Lâm nghiệp**

##### ***Điểm chung một số vườn thực vật trên thế giới:***

- Không có đơn vị chủ quản chung của các VTV mà tùy thuộc vào đặc điểm hệ thống và quan điểm của mỗi quốc gia. Nhưng gắn bó mật thiết với các viện nghiên cứu, trường đại học, v.v.
- Tài chính từ các nguồn như ngân sách nhà nước, dịch vụ, tài trợ từ cá nhân, doanh nghiệp. VTV New York cách đây 2 năm nhận được 2 triệu USD từ một diễn viên nổi tiếng.
- Việt Nam chưa có VTV quốc gia, tuy nhiên có một số vườn thực vật như Thảo Cầm Viên (TP. HCM), Bách Thảo (Hà Nội), VTV của ĐH Lâm nghiệp, v.v.,
- Phần lớn các vườn thực vật hiện đang nằm trong hệ thống khu BTTN và VQG. Khi thành lập các Khu BTTN và VQG thì trong báo cáo luận chứng kỹ thuật đều có hạng mục vườn thực vật, diện tích to nhỏ tùy quy hoạch, có thể có cây sẵn trên nền đất và trồng bổ sung;

##### ***Một số nhận xét:***

Việt Nam hiện chưa có VTVQG và chưa có quy hoạch về xây dựng, tiêu chí VTV nói chung và VTV QG nói riêng. Diện tích chủ yếu từ vài ha đến 100 ha. Cũng chưa có cơ chế tài chính đầu tư, vận hành. Hầu hết gặp khó khăn trong huy động tài chính, nhân lực và vận hành;

##### ***Chính sách hiện hành của Việt Nam:***

- Quyết định 1671/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về bảo tồn nguồn gen trong đó có xây dựng vườn thực vật quốc gia. Cách đây vài tháng, Bộ KHCN có tổng kết việc thực hiện đề án này.
- Luật Lâm nghiệp phân loại vườn thực vật quốc gia thuộc rừng đặc dụng. Nghị định 156/2018/NĐ-CP có đề cập một số tiêu chí cơ bản của VTV QG.

##### ***Đề xuất đối với VTV Quốc gia***

- Diện tích: diện tích tối thiểu 50ha, vì ảnh hưởng tới cấu trúc bên trong, phân khu chức năng, sắp xếp bên trong;
- Số loài: tối thiểu 500 loài trong đó tối thiểu 300 loài cây thân gỗ. Tổng số loài cây gỗ được trồng sưu tập chiếm ít nhất 50% tổng số loài cây thân gỗ, tối thiểu 30 loài quý hiếm.

- Vườn thực vật nên gắn với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, và cách các thành phố lớn không quá 50km.

### ***Thành lập VTV Quốc gia***

Nguyên tắc chung: Nhà nước đầu tư xây dựng và quản lý VTV quốc gia thuộc sở hữu và quản lý của nhà nước. Các VTV thuộc sở hữu cá nhân, tập đoàn do các chủ sở hữu chịu trách nhiệm.

### **2. Đánh giá hiện trạng và một số giải pháp quản lý cho mạng lưới VTV Quốc gia.**

*Nguyễn Đức Tố Lưu, Trung tâm Con người và Thiên nhiên*

Thế giới nhấn mạnh vai trò của VTV trong bảo tồn các loài thực vật, hướng tới mục tiêu toàn cầu về bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao nhận thức xã hội về bảo tồn. Từ góc độ quản lý nhà nước, mục tiêu bảo tồn là mục tiêu quan trọng nhất.

Trên thế giới có nhiều loại hình vườn thực vật ngoài nhà nước như những tổ chức tự nguyện, đoàn hội, các doanh nghiệp, các trường đại học, dạng kết hợp giữa nhiều loại hình.

Các vườn thực vật ngoài mục tiêu sưu tầm thì phải giữ được và trồng được, nghiên cứu, bảo tồn và giáo dục môi trường, quan hệ công chúng, kinh doanh và du lịch, v.v.

Định nghĩa vườn thực vật như một mô hình phát triển bền vững: tiết kiệm năng lượng, nước, giảm phát thải, v.v., phục vụ giáo dục xã hội và quan hệ công chúng;

Trên thực tế ở Việt Nam có 5 loại hình vườn thực vật thuộc các VQG/Khu BTTN, các trường viện, thuộc chính quyền địa phương (Vườn bách thảo), doanh nghiệp (Vin-Group Phú Quốc, Hàm Rồng Sa Pa), cá nhân. Các loại hình này khác nhau ở hình thức quản trị và mục tiêu bảo tồn. Thông thường, các vườn thực vật thuộc các VQG/Khu BTTN, trường và viện nghiên cứu, chính quyền địa phương thường gắn với mục tiêu bảo tồn. Đất vườn thực vật hiện cũng có nhiều mục đích sử dụng khác nhau. Các VTV thuộc VQG và Khu BTTN thì đã là đất rừng đặc dụng, còn các loại hình khác chủ yếu là đất nông nghiệp, đất rừng phòng hộ.

Luật Lâm nghiệp quy định VTV thuộc phân hạng rừng đặc dụng. Điều này mở ra 2 hướng, hoặc mở ra các vườn thực vật với quy mô lớn, hoặc để cho các bên đáp ứng chỉ tiêu được công nhận là vườn thực vật quốc gia. Việt Nam có 7 vùng sinh thái, ít nhất mỗi vùng sinh thái cần một vườn để đảm bảo lưu giữ được các loài của các vùng. Và cũng cần khuyến khích xã hội hóa nguồn lực cho bảo tồn thực vật thuộc loại hình này.

Thay vì chỉ áp dụng tiêu chí là tối thiểu 50ha và 500 loài, thì nên mở ra theo dạng công nhận 2 loại hình, một loại hình theo đúng tiêu chí trên, loại hình còn lại với diện tích tối thiểu 20ha và số loài tối thiểu 300 loài.

Một số vấn đề và đề xuất với mạng lưới vườn thực vật:

- Tách loại hình VTV quốc gia ra khỏi phân loại khu bảo tồn và có quy chế quản lý áp dụng riêng, cho phép linh hoạt đối với các tác động lâm sinh trong VTV;

- Tiến hành công nhận VTV quốc gia cho các VTV đủ tiêu chuẩn thuộc các đơn vị nghiên cứu, giảng dạy hoặc chính quyền địa phương thì tăng cường ực tiêu bảo tồn và mở cửa cho công chúng.

## THẢO LUẬN

### 1. Ông Nguyễn Huy Dũng, Viện Điều tra Quy hoạch rừng

Những vấn đề nào Luật và Nghị định quy định rồi thì không bàn vì không sửa được;

Hai tác giả nghiên cứu quy định quản lý VTV quốc gia, cần phải nhìn tổng quan, nhưng trước hết cần đưa ra một khái niệm chung **Vườn thực vật là gì? Vườn thực vật quốc gia là gì?** Và thống nhất từ đầu để hệ thống quản lý sau này vận hành tốt.

**Từ khái niệm dẫn đến phân chia loại VTV.** Trong phân loại, có rất nhiều loại VTV, từ khái niệm thì phân loại ra có mấy loại VTV? Định dạng như thế nào để hệ thống quản lý của TCLN quản lý vườn thực vật quốc gia và vườn thực vật của ngành lâm nghiệp như thế nào? Nếu không có hệ thống rõ ràng thì khi quản lý sẽ có vấn đề, không thể chỉ có vài vườn thực vật quốc gia mà còn các vườn thực vật địa phương. **Nên có 2 loại: VTV quốc gia và VTV, khác nhau về quy mô và cấp quản lý.** Hệ thống quản lý theo 2 loại này cũng dễ quản lý, theo hệ thống thẩm định.

Tiêu chí VTV quốc gia: Tiêu chí đưa ra như *gắn với cơ sở nghiên cứu, trường hoặc cách thành phố 50km* không hợp lý. Không nên đóng khung như vậy. Nếu quy hoạch lâm nghiệp quốc gia phải có đề xuất về hệ thống vườn thực vật, nếu không sẽ lộn xộn. Trước đây một số địa phương lợi dụng rừng bảo tồn đã chặt rồi lại xin khoanh quy hoạch xin đầu tư. Do vậy đề xuất **mỗi vùng sinh thái có một vườn thực vật quốc gia**, nếu không các địa phương sẽ đua nhau xin mở VTV quốc gia. Cần rà lại một số tiêu chí phụ mang tính chất rất cơ giới.

Dự án VTV quốc gia: Dựa vào đề xuất và nội dung, nhưng chưa đến vấn đề rất quan trọng là **có bao nhiêu khu chức năng?** Kinh nghiệm làm vườn thực vật tại Phước Bình nhóm chuyên gia rất loay hoay, tranh luận với địa phương về vấn đề này. Vậy cần có phân chia khu chức năng như thế nào, tối thiểu là bao nhiêu khu chức năng?

Hồ sơ quản lý: Quản lý VTV QG thì cấp bộ duyệt hồ sơ. Nếu phân ra 1 loại VTV quốc gia do Bộ thông qua, VTV thông thường do địa phương thông qua. Những vùng đặc biệt hoặc nhạy cảm thì cần sự thẩm định của Bộ.

Về diện tích: mặc dù Nghị định 06 đưa ra quy định diện tích tối thiểu 50 ha, 500 loài là tiêu chuẩn quá cao, rất ít khu đáp ứng được. Hiện tại mức đề xuất 50-30 ha và 500-300 loài là mức trung bình nhưng cần xem xét khả năng đáp ứng.

Về hồ sơ: tách VTV quốc gia ra khỏi khu bảo tồn là không khả thi, đã ổn định về quản lý, nếu tách ra thì lại thêm đầu mối quản lý.

### 2. Ông Nguyễn Quốc Dụng, Viện Điều tra Quy hoạch rừng



Đây là báo cáo hiểm hoi về vườn thực vật Việt Nam. Chỉ có năm 2011 tôi có làm báo cáo quy hoạch các vườn thực vật trong rừng đặc dụng, có 13 rừng đặc dụng đã xây dựng vườn thực vật, gần 40 khu xây dựng quy hoạch vườn thực vật. Khi trình lên BỘ NN&PTNT thì không có kinh phí cho vườn thực vật nên chỉ có đầu tư chung cho toàn bộ rừng đặc dụng. Một số khu tiêu biểu như Cúc Phương thì được cấp kinh phí cho hoạt động của vườn thực vật, các khu khác thì phải tận dụng các nguồn kinh phí khác nhau. Nhiều vườn mở ra vườn thực vật, trồng bổ sung thêm một số loài rồi chỉ duy trì lay lắt.

Vậy **thế nào là vườn thực vật?** Báo cáo cần làm rõ:

Hệ thống sưu tập thực vật: sưu tập cây gỗ (arboretum), vườn thực vật, vườn thuốc, v.v. Vậy **dạng nào được xếp vào vườn thực vật?** những khu công viên trong thành phố và khu nghỉ dưỡng có được coi là VTV không? Theo BGCI 2010 có 9 tiêu chí, năm 2018 có chỉnh sửa bổ sung, có tiêu chí quan trọng là VTV gắn với phân loại thực vật, gắn với nghiên cứu các loài thực vật. VTV Kew, VTV New York luôn gắn với các nghiên cứu, các GS, TS đầu ngành về VTV đều làm ở đó, và luôn gắn với hệ thống vườn tiêu bản. Do đó cần phải xem xét điều này.

Từ đó, xem xét quy định trong luật, VTV thuộc phân hạng rừng đặc dụng. Vậy chính sách rừng đặc dụng điều chỉnh cho cả loại hình này. Vậy trong số đó đã có VTV QG chưa? Nếu chưa có phải xác định trong giai đoạn tiếp theo.

Đồng ý nên có hai hệ thống là VTV quốc gia và VTV khác. VTV quốc gia thuộc hệ thống RDD, còn hệ thống VTV khác thuộc viện, trường nghiên cứu hay các đơn vị khác.

Quy định cứng là 50 ha và 500 loài rồi, vậy trình tự tiếp theo là **tiêu chí như thế nào?**

Đầu tiên phải **đưa VTV quốc gia vào quy hoạch**. Giai đoạn tới có Quy hoạch phát triển lâm nghiệp quốc gia và Quy hoạch tổng thể KT-XH toàn quốc, do vậy cần phải đưa vào quy hoạch dịp này.

Trong giai đoạn tới (2021-2030), nên đề xuất định hướng khoảng 3 VTV quốc gia ở 3 vùng (Bắc – Trung – Nam) vào hệ thống RDD. Trong tương lai có thể là các vùng sinh thái đại diện đặc biệt. Còn lại vườn thực vật có thể nằm trong các doanh nghiệp, viện, trường, cần có chính sách riêng và huy động xã hội hóa nguồn lực.

Nếu thành hệ thống VTV quốc gia thì **phải đề xuất chính sách riêng** cho loại hình này. Hiện tại là chính sách chung, sắp tới có chính sách đầu tư bảo vệ phát triển rừng, trong đó có chương về rừng đặc dụng. Do đó cần đề xuất các chính sách cho rừng đặc dụng vào chương này. Việc trồng vào VTV quốc gia không thể áp dụng định mức tại Quy định 38, do việc trồng và chăm sóc các loài cây vào VTV quốc gia khác so với việc trồng các loại hình rừng khác.

Hiện thì ĐH Lâm nghiệp đang trong chương trình bảo tồn Quỹ gen của Bộ KHCN dự kiến xây dựng mô hình VTV quốc gia tại ĐH Lâm nghiệp.

Việc xây dựng VTV trong rừng đặc dụng nhằm sưu tập các loài trong RDD ra khu VTV để nghiên cứu, giới thiệu và kết hợp với bảo tàng, nhằm mục tiêu trưng bày là chính, khác với mục tiêu VTV quốc gia. Do vậy, ***VTV quốc gia không nên gắn với các BQL rừng đặc dụng***, mà nên là VTV quốc gia độc lập. Còn các loại hình vườn thực vật khác thì không nên quy định tiêu chí, mà thừa nhận các vườn thực vật gắn với học tập và nghiên cứu phát triển. BCGI cũng không quy định tiêu chí về diện tích, vậy tại sao Việt Nam phải tự tạo “sân chơi riêng” trong việc tạo ra tiêu chí?

**Ông Trịnh Lê Nguyên** hỏi: Nếu đặt ra 3 tiêu chí quan trọng nhất đối với vườn thực vật quốc gia thì đó là gì?

Ông Dũng: Không đề cập đến các tiêu chí đã được quy định trong luật, VTV cần gắn với các tiêu chí sau: (i) Gắn với học tập, nghiên cứu; (ii) Rồi các mục tiêu khác như anh Lưu trình bày. Theo kinh nghiệm quốc tế, các VTV thường gắn với các bảo tàng lưu giữ tiêu bản. Do đó đây là tiêu chí đầu tiên xác định VTV; (iii) Mục tiêu nữa là mục tiêu bảo tồn ex-situ.

### **3. Ông Nguyễn Thế Cường, Trạm DDSH Mê Linh**

Cần nêu rõ chức năng của VTV, đảm bảo chức năng VTV không trùng lặp với các VQG và Khu bảo tồn để tránh khó khăn trong quản lý sau này;

Ở Việt Nam thì VQG và Khu BTTN nào cũng có vườn thực vật hoặc bộ sưu tập các loài cây gỗ, cây thuốc, các loài lan, v.v., Do vậy nghiên cứu cần xác định tiêu chí rõ ràng ***bộ sưu tập, vườn thực vật, bảo tàng***.

Nếu áp Luật Lâm nghiệp thì không thể có được Vườn thực vật, chỉ hiếm hoi một số khu vực đảm bảo về diện tích.

Đề xuất tiêu chí như sau:

- VTV phải có bộ sưu tập (để bán vé và thu hút khách), để có bộ sưu tập thì không chỉ Luật Lâm nghiệp và cả Luật DDSH điều chỉnh về nguồn gen.
- Các VTV đều phải gắn với bảo tàng, nhà kính, do đó phải có tiêu chí về điều này.
- Tiêu chí về đào tạo và HTQT. Các đơn vị nghiên cứu trên thế giới khi nghiên cứu về thực vật đều đến các VTV, trong VTV đều có đơn vị nghiên cứu.
- Các tỉnh đều có quy hoạch đa dạng sinh học, nên khi xây dựng VTVQG và VTV chỉ dựa vào Luật Lâm nghiệp và các quyết định của Luật Lâm nghiệp thì không đủ. Nhiều bảo tàng lại điều chỉnh bởi Bộ Văn hóa, do vậy quy định lại phải xem xét việc xây dựng VTV không chồng lặp với tiêu chí bảo tàng của Bộ Văn Hóa.

### **Ông Nguyễn Quốc Dũng phản hồi**

Trước đây diện tích rừng nằm ngoài đất lâm nghiệp không thuộc quản lý của BNN. Tuy nhiên theo quy định hiện tại cứ diện tích có rừng trên 0.3 ha là rừng, thuộc quản lý của BNN, do vậy VTV sẽ được điều chỉnh bởi BNN.

### **4. Ông Nguyễn Mạnh Cường, VQG Cúc Phương**

Cúc Phương có xây dựng VTV, tuy nhiên nếu xây dựng VTV trong rừng đặc dụng cũng rất khó, bởi khách thăm quan thì chỉ có thể giới thiệu là bộ sưu tập cây gỗ.

Quan trọng là phân khu cảnh quan, phân khu bảo tồn, khu nhập nội, khu dịch vụ.

Trên thế giới thì mỗi quốc gia đại diện 1-2 vườn, do chính phủ quản lý, có thể mang tính đại diện vùng miền, với mục tiêu là bảo tồn các loài quan trọng. Do vậy, chỉ nên có 1-2 VTV quốc gia.

Theo Luật DDSH và Luật Lâm nghiệp, có những loài nguy cấp, quý hiếm của Việt Nam. Tuy nhiên khi thực hiện mới khó bởi có một số loài nguy cấp quý hiếm ở Sa Pa mà đưa về Hà Nội để trồng thì rất khó.

Về Tên, chỉ nên để Vườn sưu tập Thực vật, bởi liên quan tới bộ máy quản lý, biên chế và Bộ Nội vụ.

VTV Cúc Phương xây dựng từ 1985 chủ yếu sưu tập, trồng theo lô khoảnh, bảo tàng mẫu, phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên để duy trì bền vững tài chính mới là quan trọng, trong khi NSNN không thể đáp ứng được. VTV Cúc Phương cũng phải tự chủ tài chính. Liên quan tới thiết kế và lập quy hoạch, khu nào là phân khu cảnh quan, bảo tồn, v.v. Nếu mang những loài đặc hữu từ vùng khác về trồng (Sâm Ngọc Linh, hay Lan của Thái Lan...) thì có thể phát sinh làm nhà kính (giống Singapore).

Thông tin hồ sơ loài thực vật, ở Cúc Phương mới có tên, họ, loài... còn các thông tin khác về nguồn gốc, phân bố.. thì chưa có.

##### **5. PGS. Trần Minh Hợi, Viện Sinh thái Tài nguyên sinh vật**

Về khái niệm VTV và VTV QG: CHLB Nga có 2 khái niệm VTV QG thì chỉ có ở Moscow, còn VTV thì thuộc các bang khác. Bảo tàng lịch sử tự nhiên Paris, nhưng VTV thì rất nhỏ nhoi, nhưng hàm ý nội dung và yêu cầu của VTV đều nằm trong đó.

VTV không nên nằm trong các Khu BTTN và VQG. Việt Nam nên xây dựng VTV ở 3 vùng Bắc – Trung – Nam. Hiện đã có nhiều vườn thuộc được hình thành. VTV QG phải chịu sự quản lý của nhà nước, được nhà nước cấp ngân sách.

Phải có các phân khu: Hành chính, nhà lưới, nhà kính. Bảo tàng lịch sử tự nhiên Paris có khu vực nhà lưới và nhà kính lớn để trồng các loài nhiệt đới. Cần có các phòng thí nghiệm, phòng tiêu bản (tòa nhà nghiên cứu về thực vật), bộ phận giải phẫu, phân tích sinh hóa. VTV là nơi lưu giữ tiêu bản sống và tiêu bản khô.

VTV Cúc Phương có phòng tiêu bản và diện tích cây sống, nhưng diện tích nhỏ và số loài không phong phú. Phòng tiêu bản của VQG Cúc Phương, nhưng để tiếp cận thì rất khó, việc trình bày không khoa học. Do vậy cần phải có các phân khu chức năng và quy mô lớn.

VTV có bộ sưu tập, phải có cây gỗ, và các loài thuộc các vùng sinh thái, và phải sắp xếp theo phân bố sinh thái (ví dụ loài phân bố đai cao thì trồng trên vùng đất thiết kế như đồi núi), việc nhập nội các loài phải có cơ sở vật chất phù hợp như nhà lưới, nhà kính.

## 6. Ông Tô Văn Trường, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

Viện Hàn lâm KHCN cũng có quy hoạch xây dựng vườn thực vật quy mô quốc gia, hiện đang trong quá trình xin phê duyệt và kinh phí thực hiện.

VTV cần quy hoạch tổng thể chung, để quá trình kêu gọi nguồn vốn đầu tư nhà nước và ngoài nhà nước có thể triển khai được.

Khái niệm VTV quốc gia cần phải rõ ràng, mang tính biểu trưng của quốc gia, không chỉ thể hiện đặc trưng của thực vật Việt Nam, mà còn là nơi trưng bày, giới thiệu các loài thực vật của quốc gia khác.

VTV quốc gia phải xây dựng được tính chất quy tụ thể hiện được các vùng khác nhau, không thể trong một sớm một chiều, và không thể chỉ dựa vào ngân sách nhà nước. Để triển khai thì cần có quy hoạch theo phân vùng và phân khu. Theo kế hoạch đó thì trong giai đoạn 5 năm, 10 năm tới thì cần làm những nhiệm vụ gì?

VTV phục vụ đa chức năng, do đó cần phân ra trong VTV có những cơ quan gì, từng cơ quan thực hiện các chức năng gì. Hiện các VTV mới chỉ lưu trữ tiêu bản chứ chưa đưa ra các ứng dụng của nó.

Nhiều VTV mới chỉ đưa ra bộ sưu tập nhưng không làm được việc giới thiệu. Do đó cần phải có một bộ phận nghiên cứu để cung cấp thông tin cho việc này.

Trung Quốc có vườn thực vật rất nổi tiếng, mở cửa thu hút khách với giá vé cao mà vẫn thu hút được nhiều khách thăm quan. Để làm được việc này, họ phải thiết kế VTV

Cần có cơ chế quản lý và vận hành phù hợp để phát huy các điểm mạnh, nếu không VTV chỉ có thể thực hiện chức năng trưng bày và lưu giữ.

## 7. Ông Nguyễn Mạnh Hà, Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên và Phát triển CCD

Việc đánh giá và đề xuất hiện tại giống như chức năng của các cơ quan nhà nước, chủ yếu sa đà vào thảo luận các tiêu chí quản lý. Do vậy cần phải tập trung vào: tồn tại như thế nào? Cái gì hay, cái gì dở? Tiêu chí xây dựng, vận hành.

Về hệ thống quản lý VTV:

Việc này không phải mới, người Pháp đã xây dựng Bách Thảo và Thảo Cầm Viên. Khi xây dựng phải đưa ra tiêu chí *làm cái đó để làm gì?* Phải xác định một trong các tiêu chí: xây dựng bộ sưu tập mang tính đa dạng, mang tính bản địa, tiêu chí mang tính đe dọa. Các tiêu chí này khác nhau và cách thức quản lý vận hành khác nhau. Không thể mang tất cả các loài về Việt Nam. Cũng giới hạn chỉ một số khu đại diện cho vùng miền.

Một số điểm không phù hợp:

- Diện tích: quy định về diện tích là không phù hợp, nếu tiêu chí là tính đa dạng thì cứ đa dạng là được. Nếu ở Hà Nội, để tìm được khu 50ha là không thể. Việc xác định diện tích là của nhà quản lý.
- Tiêu chí: Việc sưu tập phụ thuộc vào mục tiêu (đa dạng, bản địa hay đe dọa)

- Giá trị bảo tồn: Nhà nước phải đưa ra những gì quý hiếm, bị đe dọa thì nhà nước phải đưa ngay về để bảo tồn. Nếu các giống quý cứ được lai tạo thì dễ mất nguồn gen gốc/tự nhiên.
- Xây dựng các bộ sưu tập và kho mẫu chuẩn: cần có mẫu gốc để giữ bộ giống chuẩn.
- Vườn thực vật mang tính đa dạng và vườn thực vật mang tính bảo tồn.
- Cách quản lý: đưa ra khuyến nghị về quản lý: làm thế nào để bớt hành chính hóa, bớt lâm nghiệp hóa. Hiện tại chúng ta vẫn tư duy theo Lâm nghiệp những năm 60 chứ không phải lâm nghiệp hiện đại. Hiện tại phải tiếp cận theo tính đa ngành.
- Vườn thực vật được phép thu hái và được phép tận thu: không phù hợp. VTV không theo hướng này, mà trao đổi giống, v.v. Tiêu chí: chỉ lấy hoa, quả, hạt, gỗ để phục vụ mục tiêu nghiên cứu.
- Xã hội hóa đầu tư: ngành nông nghiệp đã thành công trong việc xã hội hóa việc lưu giữ nguồn gen. Do vậy, nhà nước chỉ đầu tư vào 1-2 VTV, bộ sưu tập quan trọng nhất. Hiện VQG, KBT nào cũng có VTV, nhưng đây là khu vực trưng bày/trình diễn của VQG/Khu BTTN, còn toàn bộ VQG/Khu BTTN là một VTV QG rồi.
- VTV là nơi trồng và sưu tập theo mục tiêu. Mục tiêu của VTV QG và VQG/Khu BTTN hoàn toàn khác nhau, và các can thiệp hoàn toàn khác nhau. VTV QG là phải can thiệp hoàn toàn như xé lông, bố trí các loài theo chuỗi tiến hóa, v.v., việc quản lý và vận hành khác nhau hoàn toàn.
- Cần tách biệt: VTV là nơi can thiệp và sưu tập theo chuỗi, trồng diện tích mới và can thiệp được. Có hệ thống tưới tiêu và chăm sóc.
- Không hành chính hóa: chỉ quản lý và khuyến khích. Không giới hạn chỉ nhà nước mới làm vườn thực vật mà nên khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân. Nhà nước chỉ cho cơ chế, nếu muốn làm thực vật thì phải theo cơ chế đó, VL: được tham gia chương trình trao đổi, tiếp cận nguồn gen, chương trình KHCN, v.v. -> Khuyến khích xã hội hóa.

Ví dụ một số vườn thực vật nước ngoài rất phát triển, bởi nó cần phải “sống”, phải có người đến thăm. Để có người đến thăm thì phải đẹp, phải đầu tư. Do vậy các VTV để phát triển được thì phải có du khách, du khách đến thấy đẹp, thấy quý thì nâng niu, thì mới sẵn lòng chi trả để bảo tồn các giá trị đó. VTV tốt nhất của Thái Lan là của tư nhân. Ở Việt Nam, một số khu ưu nhân đã tạo vườn thú, họ có thể phát triển VTV bên cạnh để thu hút khách, điều này nên khuyến khích.

### ***Ông Trịnh Lê Nguyên***

Hiện chưa có tiêu chí về VTV Quốc gia, Luật Lâm nghiệp đề cập tới loại hình VTV quốc gia, để từ đó đề xuất các chính sách nhằm hoàn thiện loại hình này. Nghiên cứu này nhằm xác định VTV quốc gia khác với VTV của các VQG như thế nào, khác các thảo cầm viên như thế nào.

### **8. Bà Nguyễn Thị Bích Thảo, Bảo tàng Tài nguyên rừng FIPI**

Nếu là VTV Quốc gia: yếu tố vị trí rất quan trọng. Ngoài tiêu chí chính là bảo tồn thì còn mục tiêu giáo dục, du lịch. Do vậy nếu vị trí thuận lợi thì nhóm HS-SV mới có thể tiếp cận được. Hoặc nếu vị trí thuận lợi thì cũng dễ dàng thu hút khách thăm quan và tăng nguồn tài chính. Do vậy, VTV QG thì tập trung ở trung tâm hoặc thành phố lớn. Botanic Garden Singapore và Royal Botanic Garden của Úc. Ở Singapore. Ở Úc đặt ở Trung tâm Melbourne, hàng năm thu hút trên 1 triệu lượt du khách vào có nguồn thu lớn.

#### **9. Bà Lữ Thị Ngân, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam**

Wướng mắc lớn nhất là sự đồng ý của cấp trên và nguồn tài chính để hoạt động.

VTV cũng nên chia thành 2 loại là VTV quốc gia và VTV nói chung. *Nên hay không có VTV nói chung?* Nếu có quá nhiều VTV thì làm loãng đi ý nghĩa của VTV. Còn để xây dựng mới một VTV cấp quốc gia, là nơi bảo tồn nguồn gen, trưng bày, giáo dục, hợp tác. ĐH Lâm nghiệp nếu chỉ dựa vào khu vực sẵn có để xin loại hình VTV QG thì chỉ là khoác lên tấm áo mới mà không có thay đổi thì không có ý nghĩa. Ngoài việc bảo tồn thì cũng cần xây dựng mang tính thẩm mỹ.

Cần có sự bứt phá, vì VTV QG mang ý nghĩa thực sự vẫn chưa có, mà chỉ là vườn bách thảo.

Đồng ý nên có đại diện VTV QG ở 3 miền, nhưng không nhất thiết mỗi miền chỉ có 1 VTV, mà có thể 1-2 vườn, phụ thuộc vào đặc điểm từng khu vực. VD. ĐH Lâm nghiệp cũng có quy hoạch, Bảo tàng cũng có quy hoạch, có thể huy động nguồn tài chính từ nhà nước cũng như nguồn xã hội hóa.

#### **10. Bà Lê Thị Hòa, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam**

Bảo tàng có một diện tích VTV nhỏ, trải qua quá trình quản lý và có nhiều bất cập.

Xác định tiêu chí VTV QG và VTV thông thường là rất cần thiết. Chúng ta chỉ thiết lập được một số VTV QG, còn lại hệ thống các vườn nhỏ hiện có rất nhiều và cần có hệ thống quản lý. Hiện Bảo tàng có mẫu vật sống và mẫu vật trưng bày. Hiện trong các VTV các mẫu vật có thông tin không đầy đủ.

Đồng ý quan điểm mỗi khu vực nên có một VTV QG, nhưng trước tiên cần ưu tiên cho 3 miền, do cần nguồn tài chính lớn do nhà nước đầu tư.

Nếu đưa ra được cơ chế chính sách thì các vườn nhỏ có căn cứ để quản lý cũng như huy động đầu tư.

#### **11. Ông Hoàng Văn Sâm trả lời**

Định nghĩa 1 của BCGI đã quy định về bản chất và chức năng của VTV. Nếu gắn vào đó thì Việt Nam chưa có VTV đúng nghĩa. Nếu gần nhất sát với định nghĩa VTV thì khu thực nghiệm ĐH Lâm nghiệp tiệm cận với định nghĩa này. Những khu vực khác như vườn sưu tập lan, VTV Cúc Phương chưa thực sự là VTV.

Nghị định đã đưa ra VTV quốc gia, và đang hướng đến về tiêu chuẩn, quy trình và tài chính cho VTV quốc gia. Một số nước thì gọi là VTV quốc gia như Úc, Iceland, một số

thì gọi là VTV Hoàng gia (Anh). Trung Quốc thì có rất nhiều VTV đẹp và chỉ gọi là VTV.

Ở Việt Nam, nếu hướng đến VTV ở 3 miền là tốt nhất. Nhà nước phải hỗ trợ đầu tư ban đầu.

Nếu thành lập mới với tiêu chí như BCGI, hoặc như nghiên cứu là vô cùng khó. Do vậy khuyến nghị nâng cấp, đầu tư những khu vực có sẵn để tiệm cận tới tiêu chí VTV bởi đầu tư mới rất tốn kém.

Từ Bắc tới Nam có thể có một số tiềm năng: ĐH Lâm nghiệp, VTV Củ Chi (TP. HCM). Những khu vực khác (không giới hạn diện tích) thì nên có tiêu chí về chức năng, nhiệm vụ, từ đó có cơ chế chính sách điều chỉnh khác (quản lý, đầu tư).

Vậy lồng ghép 2 loại hình này với nhau hay tách riêng 2 loại hình này?

### **Ông Trịnh Lê Nguyên kết luận**

Thực tế đang tồn tại nhiều loại hình, nhưng VTV QG thì chưa có. Do đó trong báo cáo vẫn phải thể hiện hiện trạng. Các loại vườn nhỏ vẫn cần có hành lang chính sách cho loại hình này phát triển, đặc biệt là các bộ sưu tập tư nhân. Nếu không có hành lang pháp lý thì các giao dịch hoặc hoạt động là bất hợp pháp (trao đổi, tặng, v.v.).

**Phụ lục 5. Danh sách người tham gia phỏng vấn và khảo sát**

<b>STT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ, Cơ quan</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Văn Chính	VQG Cúc Phương	
2	Nguyễn Mạnh Cường	VQG Cúc Phương	
3	Lê Văn Hương	VQG Bi Đúp Núi Bà – Lâm Đồng	
4	Lê Văn Cường	VQG Bi Đúp Núi Bà – Lâm Đồng	
5	Nguyễn Thị Thìn	VQG Cát Tiên	
6	Trần Xuân Cường	VQG Pù Mát	
7	Nguyễn Văn Quyết	Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu Phước Bửu	
8	Nguyễn Văn Tuấn	Vườn thực vật Củ Chi – TP Hồ Chí Minh	
9	Lê Văn Sang	Vườn thực vật Củ Chi – TP Hồ Chí Minh	
10	Nguyễn Văn Tú	Vườn thực vật Củ Chi – TP Hồ Chí Minh	
11	Bùi Thanh Sơn	Rừng quốc gia Yên Tử - Quảng Ninh	
12	Lưu Quang Trung	Rừng quốc gia Yên Tử - Quảng Ninh	
13	Đào Hữu Hậu	Rừng quốc gia Yên Tử - Quảng Ninh	
14	Dương Trung Hiếu	Trường Cao Đẳng Nông Lâm Đông Bắc	
15	Nguyễn Kim Hưng	Trường Cao Đẳng Nông Lâm Đông Bắc	
16	Nguyễn Kim Bảy	Rừng quốc gia Đền Hùng	
17	Nguyễn Văn Tiến	Rừng quốc gia Đền Hùng	
18	Lê Văn Huỳnh	Rừng quốc gia Đền Hùng	
19	Vũ Quang Nam	Đại học Lâm Nghiệp	
20	Vương Duy Hưng	Đại học Lâm Nghiệp	



21	Phùng Văn Phê	Đại học Lâm Nghiệp	
22	Paul Kessler	Vườn Thực vật Leiden Hà Lan	
23	Xia Nanhe	Vườn thực vật Hoa Nam Trung Quốc	
24	Anna Jasinska	Viện thực vật Ba Lan	
25	Murphy Westwood	Hiệp hội vườn thực vật Thế giới	
26	Amy Byrne	Hiệp hội vườn thực vật Thế giới	
27	Gregor KOZLOWSKI	Vườn thực vật Fribourg Thụy Sĩ	
28	Nguyễn Huy Dũng	Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, Bộ NN&PTNT	
29	PGS. Trần Minh Hợi	Viện Sinh thái Tài nguyên sinh vật	
30	TS. Đỗ Văn Trường	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	
31	TS. Lò Thị Ngân	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	
32	Lê Thị Hòa, Giám đốc	Vườn thực vật Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam	
33	Nguyễn Thị Bích Thảo	Vườn thực vật Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam	
34	Lê Sỹ Công	Tổ chức Bảo tồn Động thực vật Quốc tế Fauna & Flora International (FFI)	
35	Nguyễn Mạnh Hà	Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên và Phát triển (CCD)	
36	Nguyễn Thế Cường	Viện Sinh thái Tài nguyên sinh vật	
37	Đinh Thị Kim Vân	Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên và Phát triển (CCD)	
38	Nguyễn Quốc Dụng	Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, Bộ NN&PTNT	

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Bân (chủ biên), 2007, Sách đỏ Việt Nam, Phần II - thực vật, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. BGCI. 2009. Developing botanic garden policies and practices for environmental sustainability. Botanic Gardens Conservation International, Richmond, UK.
3. BGCI. 2020. BGCI Technical Review The role of botanic gardens in practising and promoting environmental sustainability. Botanic Gardens Conservation International. Descanso House, Kew. U.K
4. Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. 2018. Nghị định 156/2018/NĐ – CP ngày ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp.
5. Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. 2019. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 1 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
6. Gratzfeld, J. (Ed.), 2016. From Idea to Realisation – BGCI’s Manual on Planning, Developing and Managing Botanic Gardens. Botanic Gardens Conservation International, Richmond, United Kingdom.
7. IUCN. 2019. Red List of Threatened Species, World Conservation Press.
8. Peter Wyse Jackson, Lucy A. Sutherland, 2013. Role of Botanic Gardens, Encyclopedia of Biodiversity, 10.1016/B978-0-12-384719-5.00392-0, (504-521).
9. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2008. Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008.
10. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2017. Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.
11. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2020. Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.
12. Hoang Van Sam. 2009. Uses and conservation of plant diversity in Ben En National Park, Vietnam. National herbarium of the Netherlands, the Netherlands
13. Nguyễn Nghĩa Thìn. 2004, Hệ thực vật và đa dạng loài, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Thủ tướng chính phủ. 2015. Quyết định số 1671/QĐ- TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ Tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

15. Vernon H. Heywood, The role of botanic gardens as resource and introduction centres in the face of global change, *Biodiversity and Conservation*, 10.1007/s10531-010-9781-5, 20, 2, (221-239), (2010).

16. Wyse Jackson, P.S. (2009). Developing botanic garden policies and practices for environmental sustainability. *BGjournal* 6(2). [bgci.org/resources/article/0623](http://bgci.org/resources/article/0623)

17. Wyse Jackson, P, L.A. Sutherland, 2017. Role of Botanic Gardens, Reference Module in Life Sciences, 10.1016/B978-0-12-809633-8.02046-X.

Programme on Conservation, Sustainable Use of  
Forest Biodiversity and Ecosystem Services in Viet Nam

Unit 021, 2nd Floor, Coco Building  
14 Thuy Khue Str., Tay Ho District, Hanoi, Viet Nam

T: +84 24 39 32 95 72

E: [office.biodiversity@giz.de](mailto:office.biodiversity@giz.de)

I: [www.giz.de/viet-nam](http://www.giz.de/viet-nam)

<https://snrd-asia.org/conservation-and-sustainable-use-of-biodiversity-and-ecosystem-services-of-forests-in-vietnam/>

